

THANH-NGHỊ!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

CHỦ-NHIỆM: VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- Một vài ý nghĩ về việc cải cách giáo dục: Chức vụ giáo sư VŨ ĐÌNH HÒE
- Xã-hội Việt-nam từ thế-kỷ thứ XVII *Bài thứ 8* NG. TRỌNG PHẤN
- Một vài sự quan hệ giữa hội Truyền-bá học quốc-ngữ với phụ nữ Bà PHAN ANH
- Người qua đường. *Kịch ngắn của Lỗ Tấn* ĐẶNG THÁI MAI
- Tập bút: Đọc tiểu-thuyết Việt-nam cận đại ĐÌNH GIA TRINH
- Cách ăn uống của người Việt-nam xét về sinh lý học NG. ĐÌNH HÀO
- Danh văn ngoại quốc: Tư tưởng về nghệ thuật ĐÌNH GIA TRINH
- Địa vị sách Đạo-trường tân-thanh trong tư tưởng và văn chương Việt-nam ĐÀO DUY ANH
- Thanh niên với cần lao Ứng-hòe NG. V. TỔ
- Ý kiến bạn đọc: Vụ kiện «Hàn mặc Tử» TRƯƠNG CHÍNH
- Việc quốc tế: Mặt trận Đại-tây-dương (*tiếp theo*) ĐỖ ĐỨC DỤC
- HỎI T BẠN VỚI PHỤ NỮ Bà Phan Anh

MỘT VÀI Ý NGHĨ VỀ VIỆC CẢI CÁCH GIÁO-DỤC

NGƯỜI ta định xây một lâu đài theo một kiến trúc khác hẳn lối cũ bằng những vật liệu và phương pháp chưa bao giờ dùng tới. Bao nhiêu thành kiến, bao nhiêu thói quen, bao nhiêu kinh nghiệm lũy thế đều phải trút đi hết. Việc đầu tiên để thực hành nền kiến trúc tối tân đó là huấn luyện một bọn thợ chuyên môn mà mỗi cử động cùng cả trí óc nhận hiểu đều phải rèn rũa lại. Việc huấn luyện muốn có kết quả, phải chi phối do một quan niệm rõ rệt và chắc chắn về công việc của bọn thợ chuyên môn kia.

Cuộc cách mệnh giáo dục phải bắt đầu, trước cả việc lập chương trình giáo khoa và tổ chức các bậc học, bằng việc dựng một quan niệm mới về chức vụ và trách nhiệm của « Ông Thầy » là những thợ chuyên môn trong việc xây dựng nền « Giáo Dục vì Nhân-sinh », trái ngược hẳn với nền « Giáo Dục vì Học-thuật ».

Trong nền « Giáo Dục vì Học-thuật » chủ ở Lý trí và chuyên chau dồi tri-thức, Ông Thầy là những chiếc « kèn hát » (!), năm này sang năm khác nhắc đi nhắc lại những bài hát đã thu thanh từ bao nhiêu thế-kỷ, giọng trong hay đục tùy theo giá trị của mỗi bộ phận phát âm!

Chức vụ ông Thầy chỉ là giảng cho học trò nghe những bài học đã có sẵn trong sách, để ra cho dễ hiểu, để nhồi vào óc trẻ, những tư-tưởng « cổ-diễn » đã được nhồi vào óc họ. Chức vụ họ không phải là rèn luyện nhân cách con trẻ. Cả về khoa luận lý, ông thầy cũng chỉ có việc giảng bài nghĩa là nhắc lại, và bắt học trò nhắc lại yếu ớt như cái kèn hát non giấy, những ý tưởng thiện ác cũ rích nhiều khi trái ngược với thực tế.

Trong nền « Giáo dục vì Học-thuật » người ta đã lạm dụng chữ giáo sư để gọi những người mà theo chức vụ, chỉ là những « giảng-viên » về một hay nhiều môn học-chương trình phổ thông tri thức. Chương trình này ngày càng phức tạp nên ngay từ những bậc học dưới đã chia ra thành nhiều ngành giao cho những « giảng viên » chuyên khoa.

Trách-nhiệm của họ đều như nhau. Họ sẽ yên tâm khi đã giảng hết những tiết mục ghi trong

CHỨC VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM GIÁO SƯ =

VŨ ĐÌNH HÒE

chương trình. Phận sự họ sẽ trọn vẹn khi học trò đã hiểu bài. Họ sẽ được hưởng khoái lạc tuyệt đích — và cũng mong đợi dịp đó để rũ hết trách nhiệm — khi học trò trong kỳ khảo hạch đã làm nổi đầu bài ra thuộc về ngành chuyên khoa của họ.

Trong nền « Giáo dục vì Học-thuật » trách nhiệm ông thầy thu gọn ở trong phạm vi bài dạy, dừng lại ở ngưỡng cửa lớp học và dứt đoạn sau kỳ thi tốt nghiệp. Người ta có thể trách họ dạy không đủ bài, hay dạy khó hiểu hay vì học trò dở ít. Không ai trách họ vì những hành vi không chính đáng, vì nhân cách thấp kém của học trò. Mà trách ai: ông giáo dạy văn chương, hay ông giáo dạy sử-ký, hay ông giáo dạy toán-pháp? Cả ông giáo dạy luân-lý ông cũng chẳng cần bận khoăn vì những hành vi của chúng khi ông chỉ dạy có một giờ trong mỗi tuần lễ và cũng chỉ có bốn-phần « giảng » những bài đã ghi trong chương trình.

Cùng một lối nghĩ ấy, người ta thần nhiên thừa nhận một ông giáo có tài dạy giỏi mà tư cách rất kém. Ông này vẫn có thể thành công rực rỡ trong chức vụ và làm đầy đủ phận sự vì « đời tư » ông không có liên lạc gì đến trách nhiệm chức nghiệp.

Quan-niệm trên về chức vụ và trách nhiệm Giáo sư đã đưa tới những kết quả như sau:

— Hạnh kiểm học trò ngày một sút kém vì không ai giữ trách nhiệm về những hành vi của chúng. Phụ huynh cho con em đi học là yên chí đã trao hết gánh nặng giáo dục cho người khác. Kỳ thực chức vụ giáo sư không phải là rèn luyện nhân cách con trẻ, mà chỉ là « nhồi » thật nhiều kiến thức vào óc học-sinh.

— Hạnh kiểm học trò càng sút kém vì uy quyền ông giáo ngày một suy vi. Lễ tất nhiên như thế vì uy quyền chỉ là đối lực của trách nhiệm. Khi trách nhiệm ông giáo chỉ thu gọn trong phạm vi bài dạy thì uy quyền ông thầy sẽ hết một khi ông ra khỏi lớp học.

Phẩm hạnh thanh niên chỉ còn nhờ một bó nền nếp gia đình và xã hội bảo đảm. Nếu vì một cơ gì, những sợi giây sơ sai đó chở nên lỏng lẻo thì tức khắc nổi lên cuộc giằng co của những dục vọng xấu xa.

Nói rút lại, nền « Giáo dục vì Học-thuật » đã gây một cuộc hỗn loạn trong đời đạo lý của thanh niên mà nguyên do là sự hiểu lầm lớn về chức vụ và trách nhiệm Giáo sư. Phụ huynh, vì hiểu nhầm, đã trút hết trách nhiệm giáo dục nó không rơi vào tay ai cả. Những giáo sư nào có một ý tưởng cao quý — nhưng không đúng với sự thực — về chức nghiệp, sẽ khổ tâm vì thấy uy quyền suy bại, buồn vì mang danh là Giáo sư mà chỉ có chức vụ của một Giảng-viên tầm thường.

Một quan niệm khác về chức vụ và trách nhiệm Giáo sư là một điều mong mỏi thiết tha của Gia đình và Học đường, và cả Xã-hội nữa. Quan niệm đó chỉ có thể xuất phát khi người ta đã xây dựng một kiến trúc khác về Giáo dục.

Kiến trúc Giáo dục ấy là nền « Giáo dục vì Nhân sinh » giáo dục gây một Đạo Sống và rèn luyện thanh niên để thực hành đạo sống, để Hoạt động, để sống một cách có lợi cho mình và cho Đoàn-thể

Nền « Giáo dục vì Nhân-sinh », chỉ có thể thực hiện được khi người ta có một quan - niệm cao

quý và thiêng liêng về Chức-vụ và Trách-nhiệm Giáo-sư.

Ở đây ông Thầy không bị hạ xuống hàng những « Giảng viên » công việc như những bác « phó cả » dạy đàn em tập việc. Ông Thầy ở đây là những vị MỤC-SƯ có trách nhiệm về cả đời sống tinh-thần và tâm hồn thanh-niên, có trách-nhiệm về tất cả hành - vi của chúng trong học - đường và ngoài học-đường, ở mọi trường hợp, - về hiện tại và về tương lai trong xuất đời chúng. Vì chức-vụ Ông thầy là luyện nhân cách, rèn đức tính khí gầy bản lĩnh, lập chí hướng cho thanh-niên.

Đề đương nổi trách-nhiệm lớn lao ấy và làm tròn phận sự, Ông Thầy phải có một nhân cách đứng đắn, một bản lĩnh mạnh: Ông Thầy phải là mực thước, là khuôn mẫu, là tấm gương đạo đức luôn luôn tỏa hào quang: nguồn sinh lực cho những linh hồn trảng nước Bao nhiêu bài giảng luận lý cũng không có hiệu lực bằng một cử chỉ anh hùng, một thái độ quân tử của Ông Thầy nó tức khắc choán lòng cảm phục của môn đệ và truyền sang người chúng, bằng những sợi giây tương cảm vô hình, những rung động màu nhiệm của Đạo lý. Không phải là một điều mới lạ gì khi ta nói đến sự quan hệ của tư cách ông thầy trong việc giáo dục con trẻ. Song ta sẽ diễn một ý tưởng vô ý thức khi nói đến sự quan hệ ấy mà ta vẫn đứng trong phạm vi nền giáo dục chủ ở Lý trí. Vì tư cách ông thầy không có liên lạc gì với chức vụ và trách-nhiệm của ông khi mục đích giáo dục chỉ là trau dồi tri - thức. Hãy dựng lại quan niệm về chức vụ và trách nhiệm Giáo-sư rồi hãy bắt buộc Giáo sư phải có tư cách!

Muốn dựng lại quan niệm về chức-vụ và trách nhiệm giáo sư, tất phải soay hẩn lại mục đích của giáo dục Đó là lẽ dĩ nhiên: hai việc đó chỉ là hai phương diện của một vấn đề.

Đứng hẩn sang địa hạt thực hành, việc dựng lại quan niệm về chức vụ và trách nhiệm Giáo-sư gây ba vấn đề cần phải giải quyết:

1) Quyền lợi ông giáo. — Quyền lợi chỉ là đối lực của trách-nhiệm. Trách nhiệm nặng nề thêm

(Xem trang sau)

thì quyền lợi phải tăng thêm. Quyền : đối với học trò, quyền trừng phạt, giám sát những hành vi của chúng, đối với gia-đình học trò, tham dự vào các công - việc định đoạt đời sống của học sinh.

Lợi : phải nâng cao địa-vị xã hội của Ông Thầy Trong ba mối cương thường của Nho-giáo, ông Thầy đứng bậc thứ 2 trên bố mẹ, đó là một điều có ý nghĩa. Phải nâng cao cả đời sống vật chất của ông Thầy. « Có thực mới vực được đạo »!

2.) Bảo đảm trách nhiệm. — Ông Thầy giữ trách nhiệm về cả đời tinh thần và tâm hồn thanh niên. Trách nhiệm đó có những bảo đảm gì : Lương tâm, dư luận. Chưa đủ. Luật pháp cũng cần khắt khe đối với ông Giáo trong đời tư như trong chức vụ của ông, trong cả những hành vi của học sinh mà người ta có thể tìm được mối liên lạc với bốn phận chức nghiệp của ông Thầy.

3.) Những điều kiện thực hành Ông Thầy phải được hưởng những điều kiện tối hảo để làm tròn phận sự. Giữ trách nhiệm về nhân cách học trò, trong suốt đời chúng, họ phải rèn luyện chúng trong một thời gian khá lâu (3 hay 5 năm chẳng hạn). Thay đổi ông giáo hàng năm là một sự tai hại ; thầy trò không đủ thời giờ để quen nhau, có khi không đủ thì giờ để nhớ mặt nhau nữa. Tuy nhiên, một ông giáo không thể dạy bảo một bọn thiếu niên trong hết đời học sinh của chúng, trước hết vì rèn cấp thiếu niên mỗi lứa tuổi phải cần những đức tính và tài trí riêng, sau nữa thanh niên trong suốt đời học sinh có lợi được huấn luyện bởi nhiều ông Giáo có những tài đức khác nhau

Ông Thầy phải được kiểm soát luôn luôn những hành vi của họ. Việc huấn luyện thanh niên phải tổ-chức cả ở học-đường lẫn ngoài học đường. Việc này đã nói ở bài trước.

Sau hết phải lập một Giáo sư duy nhất mang trách nhiệm rèn luyện tinh-khí và nhân cách thiếu-niên, trong một bậc học Đặt học-sinh dưới quyền của nhiều giáo sư có trách nhiệm như nhau. phương pháp giáo khoa của nền « Giáo dục vi Học-thuật », là một việc phi lý trong nền « Giáo dục vi Nhân-sinh ». Chỉ có một ông giáo được mang chính danh là Ông Thầy hay Giáo sư (ở một bậc học) với một địa vị tôn quý, một chức-vụ thiêng liêng, những quyền lợi đặc biệt, và một trách nhiệm nghiêm ngặt như trên đã nói. Phụ-việc với Ông Thầy duy nhất ấy sẽ có những giảng viên và huấn luyện viên để dạy những khoa chuyên môn thuộc về tri-dục hay thể-dục. Ông Thầy hay Giáo-sư sẽ giữ phần đức dục (đức dục bằng gương mẫu và hoạt động đạo lý) và những khoa về tri-

dục và thể-dục có liên lạc đến việc rèn đức tính khí như những môn học nhân bản : văn chương, sử ký, đạo giáo triết học hay những môn ca hát, giải trí, hướng dẫn, thủ công vân vân... nhiều hay ít tùy theo từng bậc học.

..

Người ta cải cách giáo dục mà chỉ nghĩ đến việc cải cách chương trình, không đả động đến việc thay đổi quan niệm về chức vụ và trách nhiệm Giáo sư, thì thật là một việc thất sách ! Vì vậy mà người ta cũng không thi hành việc thay đổi gì quan trọng trong phương pháp huấn luyện Giáo sư.

Theo quan niệm mới, Giáo sư cần phải có một nhân cách đứng đắn, một đời tư trong sạch, sống mạnh, và thờ một Lý tưởng. Họ cũng cần phải có một óc khoáng đạt và một sức học phổ-thông chắc chắn. Cái phổ thông học thức. . . . ở đây lại quan trọng vì chức vụ giáo sư thuộc về những ngành hoạt động tổ chức và điều khiển cần đến tri sáng suốt và những ý-tưởng bao quát (1).

Việc đào luyện Giáo sư phải theo một phương pháp khắt nghiệt. Những người dự tuyển phải qua một cuộc chọn lọc khắt khe, phải phát nguyện phụng sự một-Đạo sống, phải học tập theo một chương trình mạnh mẽ trong một kỷ luật sắt đanh. Sau kỳ thi ra họ nhập vào đoàn thể Giáo-sư, trong đó nhân viên tự coi như những mục-sư của một tôn giáo, thờ một lý tưởng, theo đuổi một sứ mệnh và tự bó buộc trong những kỷ cương đã dựng để kiểm sát hành vi của mọi người.

Một sự khó khăn mà ai cũng thấy ngay là lấy ai để huấn luyện trong lúc đầu những giáo sư vị lai của nền giáo dục mới. Đó là một vấn đề chung của tất cả những cuộc cách mệnh trong mọi địa hạt. Phải có những vị thủ xưởng dũng cảm đem chì hy sinh thu phục một số tín đồ để gây một phong trào cường liệt. Phải có những tay Tráng sĩ đương lấy việc lớn ; cách mệnh giáo-dục. Vì khải lập hẳn một đạo-Tráng sĩ đạo—để chống lại với giòng sóng kinh khủng đang lôi cuốn một phần nhân loại : giòng sóng Ương lười và Vô đạo.

VŨ ĐÌNH HÒE

Xem T. N. Số 17 « Giáo-dục vi Nhân-sinh »

THÔNG CHẾ PÉTAIN ĐÃ NÓI :

« Các người phải tin cậy bản-chức và bây giờ bản-chức chỉ có mệnh lệnh này ban ra : ai ai cũng phải làm tròn nghĩa-vụ trong vòng kỷ luật, rặt-tự, bình tĩnh.

XÃ - HỘI VIỆT - NAM TỪ THẾ-KỶ THỨ XVII

NGUYỄN TRỌNG PHẦN dịch

BÀI THỨ 8

IV. — Mariny.

3. Nhà cửa của người Bắc-kỳ. — Nhà cửa của người đàngngoài và lối họ xây dựng nhà cửa rất giản dị không được suy nghĩ kỹ càng và không theo một chủ ý gì cả. Bởi thế họ không cần gọi đến các kiến trúc sư, đến các ông thợ cả vì theo tôi không cần tính toán lắm mới dựng được cho mình một mái nhà, những cái nhà, những cái lều như thế. Làm gì có những sự chạm trổ (tinh vi, những gian nhà đẹp như những lâu đài. Mọi vật đều làm bằng gỗ và rơm. Bọn cùng dân cam lòng dựng bốn cái cột hình tròn, được bào đục ít nhiều, lên trên những khối đá tròn và rộng nhiều hay ít dùng làm trụ đỡ vì không có thể chôn chân cột xuống đất từ phi cột ấy làm bằng một thứ gỗ rất hiếm và đắt không mọc ngay ở dưới đất. Họ đặt lên trên bốn cái cột đó nhiều miếng gỗ khác; khi nào những người dân túng thiếu này muốn làm nhiều gian nhà họ, dựng thêm nhiều cột, vách, ván hay tre, trát bằng một thứ bột rất nhẵn màu thiên thanh nhạt. Nền bằng đất nện kỹ, mái lợp rơm hay rạ. Nhà làm cách xa nhau, chung quanh có hàng rào sậy, có vườn, có ao thả cá, cá là món ăn thường của người nghèo: trước khi vào nhà, họ ra ao rửa chân. Nhưng tôi ngạc nhiên hơn cả khi tôi thấy không có một nhà tu khắc khổ nào có đồ đạc dăn tiện hơn những giường chõng của người đàngngoài nghèo túng này, giường đặt cách mặt đất chừng hai thước chỉ gồm có một lớp gỗ giải bốn thước lắp với bốn mảnh gỗ, trên đặt dất tre hay một lần lưới đan bằng giây; trên nữa giải chiếu; họ nằm ngủ chẳng có đệm, chẳng có chạn giải giường, có mền đắp...

Nhà những người giàu có, quan tư cũng làm ngang mực với đất; nên đến cửa thì ta bước vào nhà ngay. Những nhà nào rộng, xây dựng có ngăn nắp và làm bằng vật liệu tốt hơn những nhà của thường dân, trước mặt nhà lối cửa vào có sân rộng nhiều hay ít đủ chứa những người đến nhờ vả hay kêu xin điều gì. Có hành lang lợp và làm theo hình bán nguyệt chạy quanh nhà. Những khung hình tròn này đặt lên những cột gỗ to rất tốt đặt đối nhau rất đều. Ở hành lang ta vào một gian rộng rồi sau

cùng vào nhiều gian hay phòng cái nọ có vách cách cái kia. Những thực phẩm chứa trong những cái thùng cát trát trong và ngoài bằng một thứ thuốc làm cho thực ăn lâu hỏng (?) Vì nước sông một năm dâng cao một hai lần nhà cửa thường bị lụt: để dư phòng, dân gian làm những lầu cao bằng cột, có nhiều thanh gỗ đặt chéo nối liền cột nọ với cột kia trên nóc cột đặt nhiều tấm ván, lúc lụt họ rút lên ở trên ấy, như lên trên một sân khấu hay trên một cái sàn chắc để nhìn được khắp đồng ruộng chung quanh. Hoặc họ đã có sẵn những thuyền con để dùng trong những dịp này.

Cửa vào nhà thường dân thấp và bé để bọn trộm cướp khó mang đi những đồ vật chúng lấy được. Cửa ngõ nhà quan thì rộng hơn vì các ngài không sợ gì trộm cướp (chính chúng lại sợ các ngài) và có lính canh giữ luôn luôn. Tuy vậy những nhà quan cũng không có những tấm thảm hay những bức hàng quý giá; chỉ có những thứ chiếu nhỏ bằng cỏi rất đẹp, nhuộm màu khác nhau, trên có nhiều hình đẹp; cửa cải để cả vào thóc gạo, người nào có nhiều thưng gạo nhất được coi là giàu có nhất, thành thử khi ta noi ai có nhiều lúa thóc chính ta muốn bảo rằng người ấy rất giàu có sung túc.

Trong xứ không có đường to, không có phố lát đá và chia ra từng đoạn như bên ta, nhưng nhà cửa cách nhau và rải rác khắp đồng ruộng như tôi đã nói ở trên; một số đông nhà họp lại thành một làng trong có một nhà công cộng (đình), tựa như nhà thi sảnh bên ta; có những thôn viên về tư-pháp giống như viên bailly và một pháp viện để phân xử những sự xích mích giữa dân làng.

Kiến trúc các đình chùa được suy nghiệm cẩn thận hơn và không đơn sơ như nhà ở. Theo những thần-tự mà tôi được biết thì những nơi này đều (làm trên nền cao) có bậc đá, mái lợp ngói tường gạch, có chạm tạc lên gỗ và trên tường gạch có phủ một lớp men rất đẹp và rất bóng lảnh chứng rằng dân tộc này có xu hướng về tôn giáo. Ban thờ ở trong cùng đối với cửa vào, xây giống như ban thờ trong nhà thờ của ta, có lối đi chung quanh các sư nam và ư nữ sống thành giáo đoàn với nhau

như các tu nữ bên ta có nhà tu ở ngay đây sẵn sóc một cách đặc biệt và luôn luôn canh giữ điện thờ.

Lễ nghi của người Bắc-kỳ. — Mọi việc đều được sắp đặt có qui củ, từ sự họ thù tiếp nhau đến thái độ trước mặt vua. — Không có ai được vào bái vua mà mình không mặc thứ lễ phục riêng gọi là áo châu, bằng lụa tím hay cùng làm màu quan lục xẫm; mà đầu không đội mũ, để tỏ lòng tôn kính. Những người không có phẩm tước, đội một chiếc mũ đen cao chừng nửa thước bề rơi ra đằng sau. Văn quan đội theo một lối khác và bằng một chất khác một thứ mũ làm bằng lông đuôi ngựa, cao nửa thước, hình lục lăng, có thêu và trên đỉnh đẹp, khác với các mũ nói trên; chỉ có những tội nhân mới để đầu trần ra trước mặt vua. Nhưng chân thì lại khác vì nếu đi giày vào châu tức là mắc một trọng tội: khi vào yết kiến long nhan, không được đi giày mang với chỉ có vua và một vài bà hậu, bà phi được phép riêng của vua mới đi bái; các hoàng tử cũng phải theo luật ấy, trừ có hoàng thái tử là người sau này sẽ lên kế vị được đi giày trong cung hay khi ngài vi hành đi thăm đồng ruộng nhưng khi vào châu phụ hoàng ngài cũng phải bỏ giày ra và đã có một tên quân hầu múc nước để ngài rửa chân cho sạch thêm. Người ta còn nghiêm cấm tất cả mọi người dù giới nóng bức đến thế nào trước mặt vua cũng không được dùng quạt; quạt dấu trong tay áo, tay họ luôn kín vào ống tay áo kia và chấp lên ngang ngực. Triều phục và lối vào châu vua ấy trông thật lạ lùng. Nhưng ta thấy dấu hiệu sự từng phục và lòng tôn kính lúc họ mới đi mấy bước đầu rồi phủ phục khi họ vào đại điện là chỗ vua ban châu: trước nhất phải qui lễ bốn lễ đầu gối trái xuống trước, gối phải xuống sau, đầu dập xuống đất. Bắt đầu từ cửa điện hay tự chỗ ta đứng: tính cho đúng để đến khi làm lễ thứ tư thì ta đến đứng dưới chân vua. Xong rồi ta đứng giậy và hai bàn tay chấp lại, ngón nhỏ vào ngón kia, dấp kín trong ống tay áo, ta dơ tay lên ngang đầu rồi cúi nhẹ mình, ta chúc vua vạn tuế.

Nên biết là có năm lối chào khác nhau... Với vua thì nói; Tôi tấu đức vua (Tôi tâu đức Vua) với chúa thì nói; Tôi... chúa? (Tôi doãn chúa) với các Vương thân quốc thích: tôi... đức ông (Tôi thần đức ông); với người trên, nói. Tôi trình (toy cieng) với kẻ ngang hàng: tôi nói (Tôi N'oy). Các quan đại thần tan châu vội vàng rời cung điện và chạy rất mau về nhà. Không làm như thế là trái phép. Các người cưỡi ngựa, cưỡi voi, qua trước hoàng cung, cũng phải xuống đi đất. Đàn bà không phải theo những nghi tắc này, nhưng khi gặp kẻ hàng trên phải chào, thì họ dừng lại và ngồi sụp xuống đất; xong rồi họ chấp hai tay lại và cúi mình lễ, chân chạm đất năm lần; có khi nói chuyện với nhau họ cũng ngồi như thế trên chiếu vì ở

(Bắc-kỳ) không có ghế chỉ dùng chiếu trải trên đất. Tại các nhà quan, có một chiếc sập cao chừng một thước trên giải chiếu, không có thảm, dùng để ngồi nói chuyện. Tiếp người ngang hàng thì họ mời cùng ngồi trên chiếc sập; tiếp thuộc hạ, họ cho ngồi xuống chiếu cặp đồ thấp hơn bậc; còn như kẻ thường thường thì cho ngồi chiếu đơn; bọn cùng đình thì phải ngồi sụp xuống chỗ đất không giải chiếu. Khi đi chơi họ không bàn công chuyện làm ăn; chỉ khi ngồi hay lúc đứng hai tay không nhúc nhích họ mới bàn đến công việc thôi; các cố đạo cũng bắt chước cho nên lúc giảng kinh, mình không cử động, tay không đưa đây nhưng chấp vào tay áo đưa lên ngang ngực, chỉ có miệng lưỡi là mấp máy thôi. Họ ngạc nhiên khi thấy người Âu-châu đi lại luôn và hỏi tôi duyên cớ ấy. Tôi giả nhời họ rằng chúng ta bắt chước mặt trời vận chuyển luôn luôn và nước biển luôn luôn chuyển động để được trong vì nếu đứng yên thì nước biển thối hỏng mất.

Các quan nhỏ đối với các quan to cũng phải cung kính như dân duy chỉ phải qui lễ thôi và lễ xong lễ thứ ba thì họ chấp tay lên trên đầu; đứng trước mặt các quan trên, họ cũng không được phe phẩy quạt.

Để tỏ lòng tôn kính khi gặp vua hay các quan cao cấp họ để tóc sỏa trên hoặc lúc ấy tóc còn đang buộc bằng giấy thường hay đang bện thì họ rũ vội ra, nếu không làm như thế thì vị quan kia sai cắt liền; điều ấy là một sự nhục lớn vì người đương ngoài cho mớ tóc là tiêu biểu quý nhất của sự tự do của họ. Gặp kẻ ngang hàng, họ chào: tôi vui mừng với ông; gặp người trên, họ đưa tay trái cho người kia hình như muốn tỏ ra rằng họ cũng sẵn sóc đến công việc của người này, còn tay phải họ để không để giúp đỡ và chống đỡ người trên đối lại với kẻ thù. Còn trong xóm nếu có ông quan to nào trùng tên với một người thì người này muốn tỏ lòng tôn trọng theo luật nước đổi tên đi; nếu ông quan tên là ba, thì họ kiêng không nói ba nhưng nói tam.

Nói tóm lại, đó là những lễ nghi, những dấu hiệu tôn kính của người đảng ngoài dùng lẫn với nhau và để họ tỏ cho những người họ tôn lên trên họ biết. Các vị cố lão được trọng đãi hết sức nên khi một người niên thiếu gặp bậc cố lão thường nói: «Thưa cố cháu xin giúp đỡ cố» (Trang 78-87).

4. THÀNH HÀ NỘI: Bây giờ ta sang chuyện Hoàng Thành để biết sự tráng lệ của kinh kỳ (— nếu ta có thể gọi là một thành phố một đám nhà tụ tập lại, bao bọc lấy và mở dân cư, không có tường lũy, không có hào hố, không có đào hào bao bọc lấy và phân giới hạn với chung quanh?) Mặc dầu các nước ngoài gọi vẫn tất là kinh-Đô (la Cour) vì vua thường đóng ở đấy. Dân bản xứ thì đặt tên là kẻ chợ (ke Cio) nghĩa là chợ, chợ phiên. Bởi vì (Xem tiếp trang 30)

MỘT VÀI SỰ QUAN HỆ GIỮA HỘI

== TRUYỀN-BÁ HỌC QUỐC-NGŨ' ==

Thường người ta vẫn nói: «Bồn phận người đàn bà là ở trong gia đình». Riêng phần chúng tôi tưởng như thế rất phải. Mà hôm nay chúng tôi ra hầu truyện các bà các ngài đây, tưởng cũng không ra ngoài phạm vi

gia-đình, vì tinh thần ý nghĩa của hội ta là tinh thần ý nghĩa của một gia-đình, gia-đình của những người thất học, gia đình của biết bao đứa trẻ không may, muốn học mà không có tiền đi học gia-đình của biết bao trẻ em khác, khổ hơn nữa, mới ngày thơ mà đã phải dấn thân vào chốn tối tăm, nói tóm lại hội ta là gia đình của những trẻ thơ tuy có gia đình mà không sở cậy được gia đình một cách chu toàn đầy đủ.

Bàn về sự giúp đỡ của hội ta cho trẻ thơ thất học: Thừa các Bà đó là một vấn đề rất rộng mà câu chuyện có nhiều lúc lâm ly cảm kích... Nhưng đây chúng tôi chỉ xin bàn qua sự giúp đỡ của hội Truyền bá học quốc ngữ cho một phần trong những người thất học: là phụ nữ.

..

Hội ta có ích cho phụ nữ thế nào?

Hội có thể giúp phụ nữ một cách gián tiếp hay trực tiếp. *Gián tiếp* khi ta là một người mẹ hay một người chị có con em thất học: Xin các ngài hãy tưởng tượng một cảnh gia đình thợ-thuyền: chồng suốt ngày cặm cuội, vợ ở nhà cũng gánh mướn, gồng thuê con nheo nhóc một đàn đứa nhớn trông đứa bé phó thác mặc giới. Trong lòng người mẹ mỗi khi gặp con người khác cắp sách đi học, thề nào chẳng thèm thuồng. Nhưng thèm thuồng mà chép miệng! Một tập giấy giá tới ba hào, một ngòi bút tới ba xu, người mẹ nghèo kia chép miệng là phải, chép miệng mà tiếc, chép miệng mà bùi ngùi, chép miệng mà thất vọng! Tuy cái thất vọng ấy nó chỉ thoảng qua, nhưng nó cũng đau đớn, đau đớn nhất vì đó là một ý

muốn hay mà không được toại, hy vọng nhỏ mà không được thành! Nay bỗng có người cắp giấy bút sách vở cho con đi học không mất tiền, đi học mà vẫn giúp đỡ được ở nhà rồi biết viết thư, biết tính tiền chợ... Thật là nhờ hội T. B. H. Q. N.

mà tấm lòng ưu uất của người mẹ nghèo kia đã được gội một ánh vui và nếu không có Hội thì chắc họ không bao giờ được hưởng.

Vì thử trong nước ta nhờ Hội mà người mẹ nghèo nào cũng được cái sung sướng ấy thì kẻ công của Hội đối với phụ nữ cũng không phải là nhỏ, và phụ nữ cũng đã thâm ân; vì đàn bà ta rất nặng lòng thí xả, sống chỉ để cho chồng, cho con, chồng con giỏi là mình giỏi, chồng con vui là mình vui, chồng con được học cần hơn là mình được học. Đàn bà ta không có hạnh - phúc riêng chỉ có hạnh - phúc của gia-đình. Từ những bà đồ gánh gạo nuôi chồng thờ trước cho đến những bà nội tướng chăm nuôi nấng con cái bây giờ, nền nếp tinh thần vẫn không thay đổi.

Nhưng nếu tinh thần thí xả không thay đổi, phụ-nữ chúng ta phải đề ý thay đổi phương pháp thí xả cho hợp với cuộc sống bây giờ. Nói rõ hơn ta phải tìm cách nào để có thể giúp ích rất nhiều cho gia-đình, giúp một cách thật là hiệu nghiệm.

Muốn tới mục đích ấy, theo cuộc tiến hóa bây giờ phụ-nữ cần phải đi học, hay ít ra phải biết đọc, biết viết. Phụ-nữ phải *trực tiếp* học quốc ngữ, không thể kiểu thác là chồng con đi học cũng đủ rồi.

Cuộc tiến hóa của phụ-nữ về đường học thức và hoạt động trong mọi cơ quan của xã hội đi một cách rất chóng trong mấy năm gần đây.

Như ở nước Pháp là đàn bà «thủ cựu» nhất Âu châu mà hiện thời người ta cũng có thể tính được: 3 triệu rưỡi phụ nữ làm thợ

hay làm các nhà buôn, 3 triệu đứng chủ trương các hãng nông, công, thương, 14 vạn công chức 300 nữ luật-sư, 100 nữ bác-sỹ, dược-sỹ, kỹ-sư. giáo-sư... và cách đây mấy năm, một người đàn-bà, bà CURIE đã giữ chức phó tổng-trưởng ấy là chưa kể bà Nina Bang đã từng làm tổng trưởng bộ quốc-gia giáo-dục ở Đan-mạch năm 1926.

Ở Hoán-cầu, ở các nước Anh, Mỹ, cuộc tiến hóa lại nhanh bội phần. Phụ-nữ có quyền bầu-cử và ứng-cử. Hiện nay ở thế-giới có 50 nước đàn bà có quyền ấy, và tổng cộng số phụ-nữ có quyền bầu-cử thì ước được 140 triệu.

Thưa các Bà, thưa các Ngài, cuộc tiến-hóa ấy hay, hay ghê? Đã nhiều người bàn vấn-đề ấy. người ý nọ, kẻ ý kia. Chúng tôi hôm nay cũng không dám bàn về câu truyện ấy. Nhưng mặc dầu hay, hay là ghê, thế nào ta cũng phải chú ý đến cuộc tiến hóa ấy để tìm cách doi phó cho có công-biệu với cuộc chiến-tranh sinh-hoạt của ta.

Lẽ cố nhiên ở trong phạm vi tình thế nước ta chưa cần đến phụ-nữ làm chính trị, làm dân biểu, làm thu-tướng, và có cho phụ-nữ ta làm thủ-tướng thì chắc các Bà, các Cô đây cũng không ai chịu nhận, vì ta đã có thiên chức ta làm « nội tướng » kẻ cũng không kẻ phần quan trọng mà lại có phần thụ vị hơn nhiều.

Nhưng dù không cần tiến hóa nhanh chóng như phụ-nữ nước ngoài, phụ-nữ ta cũng cần biết đọc, biết viết để làm cho đầy đủ nghĩa vụ « nội tướng » của mình.

Cái trách nhiệm « nội tướng » của phụ-nữ ta so với phụ-nữ Thái tây có một phần nặng nề hơn, nhất là về phương-diện tài-chính.

Thưa các Bà, hồi tôi mới sang Pháp, được ở luôn trong mấy gia-dinh Pháp, có một điều làm cho tôi lạ: là phần nhiều bên ấy quỹ gia-dinh phó thác cho đàn ông, nhất, nhất các sự chi phí đều do đàn ông phân phát.

Trái lại ở ta, bất cứ ở giai-cấp nào trong xã-hội, hoặc thôn-quê, hoặc thị - thành. quỹ gia-dinh là thuộc tay người « nội-tướng » quản lý. Thậm chí có bà « nội tướng » có khi lạm quyền mà xử một cách độc tài nhưng đó lại là chuyện khác.

Quản lý một ngàn quỹ, thu nhập chi tiêu, lẽ cố nhiên cần phải có sổ sách, phải biết đọc, biết viết, mới khỏi quên, khỏi nhầm, khỏi mất thì giờ, và tránh khỏi sự bất hòa trong khi nhầm lẫn. Tôi chắc rằng một phần lớn trong

sự khốn khó ở gia-dinh ta là, do sự cầu thả sự « luộm thuộm » của người « nội tướng » không có tính toán minh bạch.

Vả chẳng có sổ sách biên chép mới phân biệt được những món tiêu ít, tiêu nhiều, món cần, món phí, mới mong thăng bằng chi tiêu, và tiết kiệm: ta thường không để ý đến những món tiền tiêu vật không cần lắm; nhưng nếu biên tính gồm lại có khi thành một món tiền to bất ngờ.

Khi người « nội tướng » lại kiêm cả việc buôn bán nữa, đó là đại đa số đàn bà ta, thì biết đọc, biết viết, biết tính toán lại tối cần. Dầu là buôn nhỏ cũng phải tính toán mới biết rõ lãi lỗ, thiệt hơn. Sự tính toán minh bạch có lẽ là một cái bí quyết của người Hoa-kiều, buôn bán chóng phát đạt.

Biết đọc quốc ngữ cũng là một việc tối cần cho đàn bà và trong sự gìn giữ vệ-sinh trong gia-dinh. Những quyển sách vệ-sinh của Hội phát hành ra hoặc của các bác-sỹ in ra chỉ có ích nếu các bà mẹ đọc được. Chỉ khi nào, bà mẹ đọc rồi, lĩnh thụ được những phương-pháp trong sách, thì người ta mới mong phương-pháp ấy được thực hành, còn nếu như chỉ để các ông cha đọc qua, thì tôi dám chắc rằng các ông đọc xong bỏ sách đấy không tưởng gì đem ra thực hành, và nói cho đúng hơn nữa, thì các ông ấy cũng chẳng chịu đọc các sách ấy các ông thích đọc báo-chí, hay tiểu thuyết hơn nhiều,

Về Giáo-dục trẻ thơ, phụ-nữ cũng có một địa vị quan trọng hơn đàn ông: ta nghiệm rằng 90... con thơ là phó thác cho người mẹ; vậy nếu mẹ biết chữ thì có thể xem sách về giáo dục và trông nom con cái có quy-cử, có phương-pháp.

Biết đọc, biết viết quốc-ngữ là một sự tối cần cho đàn bà, và ta có thể nói rằng cần cho đàn bà hơn đàn ông vì phận sự của phụ-nữ nước ta quan-trọng đủ các phương-diện kể trên: tài chính, vệ-sinh, giáo-dục,

HỘI TRUYỀN BÁ HỌC QUỐC NGỮ lập một ban phụ-nữ chắc cũng là vì thấy rõ tình thế ấy thấy rõ sự cần-nhà ấy.

Trông mục đích truyền bá của Hội. Hội sẽ không phân biệt đàn ông, đàn bà, không trọng nam khinh nữ.

Lẽ cố nhiên nữ học sinh của Hội sẽ rất ít đối với nam học-sinh, nhưng ta nên biết rằng công của Hội không phải là chỉ lượng ở số nữ học-sinh của Hội, công của hội còn ở chỗ truyền bá cho phụ-nữ biết sự cần của chữ Quốc ngữ:

hễ phụ-nữ thành-thị thôn quê hiểu được sự nhu cần ấy mà ham học bất cứ học ở nhà hay ở các trường công tư, như thế là mục-dịch của Hội ta đã đạt, bất tất rằng ai cũng đến trường của hội là một cơ quan truyền - bá, chứ không phải là một học đường.

Thưa các bà, thưa các Ngài, trước khi kết luận câu chuyện hôm nay, tôi muốn nhắc lại một câu phê-bình của một số người nông nổi nói về việc học quốc-ngữ của Phụ - nữ. Trong khi mọi người nô nức học và biết bao nhiêu người như các Bà, các Ngài đây chẳng quản khó nhọc mà cố-động cho Hội, thì một hạng người tự chiếm là thức-thời mà nửa phần yếm thế, phê bình sự học của Phụ-nữ rằng: «Đàn bà con gái biết đọc, biết viết để làm gì? Biết đầu lòi bất cập hại».

Thưa, nhời phê - bình ấy thật ra thì không đáng kể tới, vì hết sức vô-lý, nhưng ta cũng nên lượng cho những người phê bình ấy, vì họ nhầm hai vấn-đề khác hẳn nhau; là *biết chữ* và *cách lợi dụng sự biết chữ*. Biết chữ cố nhiên là hay,

nhưng còn cách dùng sở học của mình thì chẳng cứ gì chữ quốc-ngữ, dù những sở học cao hơn nữa, người ta cũng có thể dùng một cách hay, hay là một cách dở, hay dở là tùy tâm tính giao du từng người, chứ không phải vì chữ. Người đã dở thì không biết chữ cũng dở, mà người hay càng biết chữ càng hay.

Nói tóm lại học quốc-ngữ đối với đàn ông hay đàn bà không thể nào gọi là một sự dở được.

Vậy trước những lời phê-bình nông nổi ấy, ta không cần đề ý Mục-dịch của Hội ta rất rõ ràng, rất cao-thượng, rất thiêng liêng, ta cứ việc hăng-hải mà bước trên con đường thẳng của ta, mà giải thoát chị em ra khỏi vòng vây của một kẻ thù gồm ghê là «Thần Lười, Thần Giốt».

Trong công cuộc giải - thoát ấy, phụ - nữ có thể giúp H.T.B.Q.N thế nào, đó là đầu đề một câu chuyện về sau.

(Diễn văn ở cuộc hội họp phụ - nữ do H.T.B.Q.N tổ chức ở hội-quán Tri-Tri Hanoi ngày 22 tháng một 1942).

Bà PHAN ANH

PÉDOCA

vinaigre de bon goût

EN VENTE:

*dans tous les grands magasins
d'alimentations*

N° 136

Boulevard A. Rousseau
Téléphone : 1663
HANOI

SẴP CÓ BẮN :

NGUYỄN DU và TRUYỆN KIỀU

của
NGUYỄN BÁCH KHOA

Một cuốn nghiên cứu đầu tiên viết theo phương pháp khoa học về thời đại, về huyết thống, về thân thế, về cá tính thi sĩ Nguyễn Du và truyện Kiều.

Ngoài những bản thường có in thêm nhiều bản giấy quý dành riêng cho các bạn yêu văn.

hàn - thuyên

71, Rue Tiên Tsin — HANOI

NGÀY GIỜ : Một ngày nào, vào buổi hoàng-hôn
ĐỊA ĐIỂM : một chỗ nào đấy,

NHÂN VẬT CỤ GIÀ, trạc 70 tuổi. Đầu, râu đã bạc. Áo dài thắm.

CÔ CON GÁI, lên mười. Tóc hoe hoe. Mắt đen lóng lánh. Áo dài.

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG. Trạc ba bốn mươi tuổi. Mặt mũi tiêu tụy nhưng sức-vóc khỏe mạnh, con người sáng, có vẻ âm-thầm. Râu đen, tóc xõa. Chiếc áo cộc và mảnh quần điều rách nát. Đôi giày rách để hở gót chân đỏ. Dưới nách, đeo một chiếc dây. Tay chống một cái gậy cao ngang người.

■
GIÀN CẢNH: Về mé đông, một lùm cây thưa một đồng ngồi gách.

Mé Tây: Một bãi tha ma hoang lương, tàn tạ giữa có một lối mòn, giống đường đi, nhưng không phải là đường, một căn nhà gianh nhỏ, vách đất, một cánh cửa mở hé ngay ra lối mòn ấy. Bên cửa, một gốc cây khô.

(Cụ già ngồi trên gốc cây. Có bé con giang tay định dìu ông cụ dậy, bỗng lại dừng tay).

CỤ GIÀ. — Này con!... ủa! con! dìu ông đứng dậy về chứ!

CÓ BÉ CON. — (Nhìn về phương đông), — Có ai ở đường kia đi lại ấy... Con xem tí đã!

CỤ GIÀ. — Xem gì? Con dìu ông về: Mặt giờ lặn rồi kia kia!

CÓ BÉ CON. — Rồi hăng... Con xem tí đã nào!

CỤ GIÀ. — Con bé thế thì thôi! Ngày nào cũng nhìn giờ, nhìn đất, nhìn gió, chưa vui mắt ư? Còn gì đẹp hơn nữa! Lại còn mong xem người nào nữa kia? Lúc mặt giờ lặn, chưa thấy bao la cảnh đẹp hay sao? .. Thôi con, ta đi về!

CÓ BÉ CON. — Rồi hăng! Người ta lại đây rồi!... A! a! té ra mặt người ăn may!

CỤ GIÀ. — Người ăn may? Thế mà cũng đứng lại nhìn!

(Người qua đường từ lùm cây mé đông lang thang đi tới. Trờ trờ một lúc sẽ thông thả rảo bước lại gần chỗ cụ già).

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG. — Chào cụ ạ! Cụ mạnh khỏe chứ?

CỤ GIÀ. — Ấy! tôi không dám! Nhờ 'giờ, tôi vẫn khỏe... Còn bác?

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG. — Thưa Cụ, xin lỗi cụ: cháu muốn xin cụ một ngụm nước. Khát quá đi mất! gần đây không thấy một cái ao, một ngòi nước nào:

CỤ GIÀ. — Vâng... Được lắm! Được lắm!.. Bác ngồi chơi tí, (Bảo có con gái): Này con! đi lấy nước nhé! Rửa chén cho sạch nhé!

(Có bé con im lặng đi vào nhà)

CỤ GIÀ. — Ông khách. mời ngồi. À mà tên bác là gì rồi nhỉ?

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG. — Tên tôi?... Ấy tôi cũng chẳng biết nữa. Nhớ cho đến mãi hồi trí nhớ của tôi còn có thể nhớ lại được, thì tôi chỉ biết tôi là «người». Tôi cũng chưa hề biết tên Tôi xưa kia là gì. Từ ngày bước chân ra đi, trên đường có lúc người ta cũng tùy tiện mà gọi tôi: người gọi

thế này, kẻ gọi thế kia:... tôi cũng không hề nhớ nữa! Vả lại bấy nhiêu tên người ta đã dùng để gọi tên, cũng chưa hề có một tên nào trùng với tên nào....

CỤ GIÀ. — Thế ư? Thế thì bác ở đâu tới đây?

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG. — (Ra vẻ nghĩ ngợi). Tôi cũng không biết nữa! Nhớ cho đến mãi hồi mà trí nhớ của tôi còn có thể nhớ lại được, thì xưa nay tôi vẫn cứ đi lang thang như thế này..

CỤ GIÀ. — Vâng! thế tôi có thể hỏi bác định đi đâu hay không?

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG. — Được lắm chứ!.. Nhưng tôi cũng chả biết nữa nốt... Nhớ cho đến những ngày mà trí nhớ tôi còn có thể nhớ lại được thì tôi vẫn cứ đi mãi, đi hoài như thế này... còn như chỗ tôi định đi tới thì chỉ có thể nói: ấy là chỗ đằng trước mặt tôi... Tôi chỉ còn nhớ là tôi đã đi được một quãng đường khá dài, và hiện giờ đây thì tôi đã đi đến đây rồi. Thế rồi, từ đây tôi sẽ đi về đường ấy kia..

(Trở tay về phía tây).

(Có con gái rón bước bưng một chén nước đầy ra, trao cho người khách.)

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG. — (Đỡ lấy chén). Cảm ơn cô quá! (Uống hai ngụm, hết cả chén nước giả chén lại cho có bé) Cảm ơn cô! Thiệt cô tử tế

NGU'Ò'I QUA đu'ò'ng

KỊCH NGẮN CỦA LỖ TÀN

ĐẶNG THAI MAI dịch

quá ? Và tôi không biết cảm ơn cô thế nào cho xứng đáng.

CỤ GIÀ. — Ấy bác đừng cảm ơn quá lời như vậy, kẻo ra có gì đâu ạ !

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG. — Vàng ! kẻo ra có gì đâu ! Nhưng bây giờ đây tôi đã lại-nghỉ được một ít rồi ! Tôi sẽ đi... : Nay cụ, hẳn cụ ở đây đã lâu, có lẽ cụ biết trước kia là gì ?

CỤ GIÀ. — Đẳng trước kia ấy à ? Đẳng trước kia là mồ mả.

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG. — *(Ra vẻ ngạc nhiên)* Mồ mả ?

CÔ BÉ CON. — Không ! không ! không phải đâu ! Đường ấy có rất nhiều hoa Bách-hợp đại, và tường-vi đại... Tôi vẫn tới đấy đi chơi, đi xem luôn luôn mà !

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG. — *(Nhìn về mé tây, mỉm cười)* Phải rồi ! Đường ấy có rất nhiều hoa đại, hoa bạch-hợp đại, hoa tường vi đại. Tôi cũng tới chơi, tới xem luôn luôn. Nhưng ấy cũng là cồn mả !... *(Nói với cụ già)*: Vậy thưa cụ : đi khỏi cồn mả ấy ra sau kia là gì ?

CỤ GIÀ. — Sau cồn mả ấy a ? Tôi lại không được biết ! Tôi chưa hề đi tới.

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG. — Không được biết !

CÔ BÉ CON. — Tôi cũng không biết !

CỤ GIÀ. — Tôi chỉ biết được bên nam, bên bắc và bên đông, là phía bắc đi lại ấy mà !... Ấy là mấy địa phương tôi đã biết được rõ-ràng và cũng là những chỗ có lẽ tốt cho bác hơn hết. Bác đừng cười tôi nhiều lời : theo ý tôi bác đi đã mệt lắm rồi ! Chi hơn là bác quay giờ về... Số là bác có đi, đi mãi cũng không thể nào đi cho tới nơi...

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG. — Không thể nào đi cho tới nơi !... *(Ngắm nghĩ, bỗng đứng giật mình...)*... Nhưng không xong ! Tôi vẫn phải đi ! Quay lưng giở lại đường ấy, thời đầu đầu cũng vẫn chỉ thấy ông nọ bà kia, những nhà tài chủ, đầu đầu cũng có người đuổi dợt, ép uồng, đầu đầu cũng chỉ bấy nhiêu nét cười trên mấy bộ mặt thịt, bấy nhiêu hạt nước mắt lưng tròng !... Tôi ghét quá tôi không muốn giở lại !

CỤ GIÀ. — Nói thế thì cũng lại quá lời ! Tôi chắc rằng bác cũng đã gặp được những giòng lệ từ đáy tim chảy ra mà thương xót cho bác.

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG. — Không mà ! Tôi không muốn nhìn những giòng lệ của đáy tim chúng nó ! Tôi không muốn chúng nó thương xót đến tôi !...

CỤ GIÀ. — Thế kia hở, bác ! *(Lắc đầu)* thế thì có lẽ bác còn phải đi, đi mãi là hơn.

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG. — Vàng tôi còn phải đi mãi. Một mặt nữa, tôi vẫn thường nghe những tiếng vang vẳng ở đằng trước mặt, dục giã, kêu gọi tôi... làm cho tôi không tài nào mà dừng chân nghỉ ngơi được ! Khốn một nỗi, bàn chân tôi đi đã tước ra cả, nhiều chỗ đau và máu chảy đầm đìa... *(cất lên một bàn chân cho cụ già xem)* Thành ra bây giờ tôi thiếu cả huyết ; tôi cần uống một ít huyết ! Nhưng huyết đâu mà uống ? Mà nào có phải huyết ai tôi cũng thích uống ? Thôi thì tôi đành uống vài ngụm nước đề cho bổ huyết. Lâu nay trong lúc đi đường, không hề thiếu nước, thành ra tôi cũng không hề biết khát. Nhưng bây giờ đây khi lực tôi xem ra hao sút nhiều rồi, nghĩa là ngày nay huyết tôi nhiều nước lắm quá ! Thế rồi hôm nay trong lúc đi đường cũng chưa hề gặp một ngòi nước nhỏ... chả là hôm nay tôi đi mới được ít đường đất quá !

CỤ GIÀ. — Chưa hẳn là thế đâu !. Nhưng theo ý tôi thì mặt giới lặn rồi, chỉ bằng bác nghỉ lại đây một chốc, có lẽ hơn.

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG. — Ấy nhưng tôi vẫn nghe tiếng gọi đằng kia !

CỤ GIÀ. — Tôi cũng hiểu rồi.

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG. — Cụ cũng hiểu rồi ? Cụ cũng có nghe tiếng gọi ư ?

CỤ GIÀ. — Vàng. Và hình như tiếng đó cũng đã kêu gọi tôi mấy lần...

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG. — Thế thì ngày nay cũng vẫn cái tiếng đó gọi tôi chẳng ?

CỤ GIÀ. — Cái đó tôi không được biết. Xưa kia đã mấy lần tôi nghe gọi. Nhưng tôi không tri ý gì đến. Thế rồi cũng thôi, không nghe gọi nữa. Tôi cũng nhớ mơ màng vậy thôi.

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG. — Không tri ý đến *(Nghĩ ngợi một chốc, bỗng ra vẻ sợ hãi, lảng tai nghe...)* Không xong ! Tôi thiệt không có thể nghỉ ngơi được. Khốn nỗi cho tôi đi đã tước cả chân rồi ! *(Sửa soạn ra đi)*.

CÔ BÉ CON. — Nay ông cầm lấy... *(đưa ra một mảnh vải)* cầm lấy mà buộc vào chỗ chân đau.

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG. — Cảm ơn cô em ! *(cầm lấy mảnh vải)*. Thiệt là... Thiệt cô em tốt lòng quá ! Thế này tôi còn có thể đi tới được một quãng đường nữa. *(Ngồi lên trên đồng gạch vỡ và định lấy mảnh vải băng chân)*. Nhưng cô ạ, không thể được ! *(Có hết sức đứng dậy)*.

(Xem tiếp trang 21)

YVES GANDON trong cuốn « *Le démon du style* » kể rằng Paul Valéry thú thực « không viết nổi một cuốn tiểu-thuyết vì ông ta tự nhận thấy không sao giao chút được cho tờ giấy một câu về loại như sau này : — Chào bà, bà có được mạnh không ? ». Valéry có ý chê bai loại văn tiểu thuyết, nói những lời nhảm và vô vị. Gilbert trong Oscar Wilde, có lẽ muốn khôi hài, đã nói : « Tôi chắc chắn rằng bất cứ ai cũng viết nổi một pho tiểu-thuyết ba quyển » (The critic as artist-Intentions).

Trong những lời ngụ ý mỉa mai ấy có chút sự thực nhưng cũng có điều quá đáng và bất công. Những kẻ không có ý tưởng sâu sắc gì để nói, không có tài nghệ gì sắc sảo để phổ-trưng, bước vào làng văn thường chọn viết tiểu-thuyết. Cứ những câu tương tự như : « Mời ông soi nước » và « Giời hôm nay đẹp quá, chúng ta đi chơi đi » cũng đủ làm đầy một số trang giấy. Thêm vào đó một cốt chuyện cổ làm cho ra vị một chút, vài tình cảnh cổ đặt ra « éo le », đàm câu triết lý dễ dãi, ấy thế là một quyển tiểu thuyết ra đời, nằm trang trọng trong tủ kính hàng sách, bên vệ hè. Nhưng tiểu-thuyết không phải là một loại văn phù phiếm và đáng rẻ rúng. Viết một thiên tiểu-thuyết để tiếng lại muôn đời sau là một công việc cần đến nhiều thiên-tài và rất nhiều trác luyện nghệ-thuật. Mà tiểu-thuyết là một loại, vì sẵn có một nội dung tự-do, nên khiến nhà văn diễn tả được tự nhiên và sâu sắc những tư tưởng quan hệ, những chân lý lớn của nhân loại. Làm sống một nhân vật, cho nó một linh hồn mãnh liệt, làm sòn sao cả một hoàn cảnh, tạo một thế giới bởi sự tưởng tượng, của mình và cho nó sinh khí, thiết tưởng việc đó không phải là việc của kẻ bất tài. Ta chớ nên căn cứ vào văn chương của những tiểu-thuyết hạ cấp mà suy đoán. Ở loại văn nào mà chẳng có độ hoàn mỹ cao thấp ?

Ở Âu-châu từ thế kỷ thứ 19 sự sản xuất tiểu thuyết quá dồi phong phú. Văn minh âu tây tràn sang Việt-Nam, các nhà văn Việt-Nam cũng đua nhau sản xuất trong phạm-vi tiểu-thuyết. Chả biết tiểu thuyết có phải là « một bệnh của thời đại » không, như lời của một danh sĩ trào phúng, nhưng ta phải nhận rằng khi một phẩm vật gì sản xuất quá nhiều thế tất phải có thứ tốt thứ xấu. Tiểu thuyết dở của Âu-châu đầy rẫy các hàng sách, và đọc nó thường chỉ mất thì giờ vô ích và bực mình.

Gần đây trong sự sản xuất tiểu thuyết của

xứ ta, người thức giả đã nhận thấy một ít tác-phẩm có giá trị, và một vài hoan nghênh của công chúng quyết không phải là lầm lạc. Nhưng ngoài các tác-phẩm ấy có rất nhiều tiểu thuyết phong tình, tiểu thuyết xã hội, tiểu thuyết triết lý (!) không đáng để ta bình luận tới. Những ai nghệ sĩ, những ai bất tài ? Trong thời đại xét đoán thời đại có lẽ khó khăn và không tránh khỏi thiếu sót, vả lại các độc giả tinh ý chắc cũng đã nhận rõ vàng thau rời. Ta nói truyện đến tinh cách đại cương của tiểu thuyết Việt-Nam cận đại có lẽ được may mắn hơn.

Nhà viết tiểu thuyết tìm tài liệu ở trong đời xung quanh. Mặc dầu sự phản kháng của Oscar Wilde, thuyết tả chân văn cứ tiến bộ hoài. Mà dù một cuốn tiểu thuyết có không vụ tả thực chẳng nữa, ta cũng không thể nói rằng nó được tạo nên hoàn toàn bởi tưởng tượng. Stevenson viết quyển « Bác sĩ Jekyll và ông Hyde » đã bịa đặt những kết quả của sự thí nghiệm khoa học, đã khiến ông bác-sĩ Jekyll biến thành một ông Hyde hung hãn ghê gớm, nhưng cái hoàn cảnh, cái thân thể của ông bác-sĩ ấy, sự tìm tòi khoa học, là những sự thực trong xã-hội Luân-đôn hồi thế kỷ thứ 19. Nếu một tiểu thuyết tả những hoàn cảnh, những nhân vật mà người ta không thấy được bóng dáng ở xã-hội trong đó nhà tiểu thuyết và các độc giả sống, thì cuốn tiểu thuyết ấy khiến độc giả ngơ ngác và đọc thấy kém hứng thú.

Thí dụ một cuốn tiểu thuyết cận đại kể chuyện một nhà bác học Việt-Nam cặm cụi tìm tòi

**TẠP BÚT
ĐỌC
TIỂU
THUYẾT
VIỆT
NAM.
CẬN
ĐẠI
Đ. G. TRINH**

nghiên-cứu trong một phòng thí-nghiệm và sau phát minh ra một quang tuyến mới ! Chỉ tại cái tài uyên bác về khoa học và sự tha thiết hy-sinh cho một tìm kiếm khoa học này còn hiếm ở xứ ta.

Nếu có một số tiểu thuyết tạo nên được một trạng-thái tinh thần từ trước chưa từng có, thì đa số tiểu thuyết là phản ảnh của chân tượng của xã-hội tới một trình độ nào đó. Mà xét kỹ ra thì có lẽ không có một cuốn sách nào tạo nên được một trạng thái hoàn toàn tưởng tượng bởi một văn sĩ, không căn cứ gì vào sự thực xung quanh. Quyền René của Chateaubriand thế như đã tạo nên cái « buồn của thế kỷ », những tiểu thuyết của Dostoïevsky hầu như đã tạo nên tư tưởng hoài nghi vô thần, nhưng thực ra trong không khí của thời đại, về thế kỷ thứ 19 ở Pháp và ở Nga đã có những mầm của chán đời và của sự mất tín ngưỡng rồi. Nhà văn hơn người là có linh khiếu nhận rõ thấy những thay đổi của ngày mai, vì vậy họ có đáng điệu một kẻ tiên tri sáng tạo.

Những nhận xét đó cho ta quyền nói rằng nội dung các tiểu thuyết Việt-Nam cận đại cho ta hiểu được đời sống vật chất và tinh thần của xã hội Việt-Nam. Hay nói ngược lại, đời sống vật chất và tinh thần của xã-hội Việt-Nam cận đại khiến ta hiểu được tinh cách nội dung của tiểu thuyết Việt-Nam mới.

Không có những tiểu thuyết khởi nghĩ những vấn đề siêu lý lớn, những vấn đề triết lý cao cấp, bởi chúng ở xã-hội ta bây giờ sự lười biếng về suy nghĩ là một bệnh nặng. Phải chăng vì phải lo theo đuổi cung cấp các nhu cầu vật chất mà chúng ta đã sống một đời bên trong hơi hợt ? Không có tiểu thuyết tả những công nghiệp oanh liệt, những tác động rộng rãi và hùng. Vì chúng ta quen dần với mạo hiểm xa xôi, Viết một cuốn truyện Việt-Nam tả những hành vi tựa như ở xứ Viễn-Tây (Far West) bên Mỹ, tả những kỳ công của một phi công Việt-Nam, cuộc viễn du lên Bắc-Cực của một đoàn thám hiểm Việt-Nam, thì thực chỉ dè dộc giả mỉm cười. Ông Thế-Lữ có viết truyện « Mai Hương và Lê Phong » tài tình thực và xem rất ham, nhưng những lý kỳ ấy vẫn có vẻ « nhân tạo » thế nào ấy, vì ở xứ ta xưa nay làm gì có nhiều những gian phi quỷ quyệt và những thám tử phòng viên có tài gần ngang Sherlock Holmes như vậy.

Một nhà bác học quên cạo râu tóc, xuất ngày rơm ống kính và tính toán, một nhà toán học

Einstein tun một luận giải trên bãi bể Hà-Lan, một nhà triết học suy xét như ngày đại một vấn đề trên hè đường đông đúc, những nhân vật ấy không vào tiểu thuyết Việt-Nam vì nó rất hiếm trong xã-hội Việt-Nam.

Các nhà văn ta đã tả gì ? Những trạng thái tinh thần thông thường, những hoàn cảnh eo hẹp của một cuộc sống yên tĩnh, ít sồn sáo, trong đó ta bị bó buộc. Éo le của tình yêu (yêu nhau, ly biệt), những tấn kịch gia-đình và xã-hội, những cảnh sống ở thôn quê, kẻ chợ, những mong ước giản dị, những vấn đề triết lý nhỏ nhặt có liên can đến sự sống hàng ngày (vấn đề chọn vợ chọn chồng, vấn đề con cái v.v...). Dưới sự sô đẩy của trào lưu sống mới, những nền nếp cổ bị lung lay, một sự sung đột xảy ra giữa cha mẹ và con cái, thì trong tiểu thuyết có mới cũ sô sát, có những duyên ép ường, có những thành kiến tập quán cũ đè nén mầm sống bông bột mới. Với ảnh hưởng của xa hoa và phóng dăng của thời đại, trai gái trụy lạc trở nên nhan nhản. Tức thì bao nhiêu tiểu thuyết tả các cuộc truy hoan thâu đêm suốt sáng, tâm sự của các cô gái nhầy, những câu chuyện trong tiệm hút, những cảnh tượng dâm dăng, những tình nhĩ nhảnh dẫu bực.

Trên đây tôi có ý nghĩ đến những tiểu thuyết tâm lý, những tiểu thuyết xã hội, là những loại phóng phú hơn cả và phản chiếu đặc sắc nhất sự thực của nhân sinh. Tiểu thuyết lịch sử, tiểu thuyết hoang đường chỉ có một giá trị khảo cứu hoặc mỹ thuật. Tuy vậy ta cũng còn có thể nói được rằng cái hoang đường huyền hoặc có tính cách tưởng tượng những hiện trạng vô cùng biến ảo của khoa học, cái hoang đường của nhà tiểu thuyết Pháp Jules Verne và của nhà tiểu thuyết Anh H. G. Wells, rất hiếm ở nước ta vì sự thông hiểu khoa học thực nghiệm đến trường tận ở xứ này chưa được lâu giải cho lắm. Có lẽ ta lại còn có thể nhận rằng nếu ta lại bắt đầu ưa cái hương vị của những truyện hoang đường cổ, là bởi ta đã thấy khó chịu với cái đời cơ khi hiện tại và muốn đem tâm hồn ta tìm lại ở những nguồn mơ thơm mát thuở xưa,

Tiểu thuyết đựng những nguyện vọng, những hoài bão của ta. Nó luôn luôn là phản ảnh của đời sống tinh thần và vật chất của xã hội. Muốn suy xét về một dân tộc, một nhà mỹ học khuyên ta nên đề ý đến nền âm nhạc và lối kiến trúc ở nước ấy. Ta phải thêm vào : nên xét đến văn chương của nước ấy và nhất là môn tiểu thuyết của nước họ.

ĐÌNH GIA TRINH

TRONG bài trước, đã nói về kết quả sự phân chất những đồ ăn của người Việt-Nam. Bây giờ ta xét xem trong những bữa cơm của ta, những món ăn ấy có đem cho ta đủ những chất hóa-học cần dùng để bồi-bổ thân-thể không?

Đồ ăn có hai mục-dịch: một là bổ dưỡng các cơ quan trong người, hai là làm ra sinh-lực.

Bồi-bổ các cơ thể tức là đem những chất bỏ thay vào những chất độc cần phải bài tiết ra ngoài. Trong 24 giờ, một người nhón bài tiết ra ngoài những chất này:

1-) 2000 grammes nước, phần nhiều là do nước tiểu và mồ hôi mà ra, một phần ít do hơi thở và phân.

2-) 20 grammes các chất muối, một nửa là muối bẽ (chlorure de sodium).

3-) 13 grammes chất azote, có ở trong các đạm chất trong nước tiểu.

4-) 265 grammes chất carbone (thán-tố), do hơi thở, nước tiểu, phân mà ra.

Muốn có sinh-lực, người ta cần phải tiêu-thụ nhiều sức nóng tính ra calorie. Chung bình một người nhón làm việc vừa vừa một ngày cần 1340 calories, tính ra mỗi kilo là 36 calories. Số calories ấy nhiều hay ít tùy theo công việc nặng nhẹ, theo như bản sau này:

- | | |
|---|-------------|
| 1-) Khi nghỉ hẳn | 25 calories |
| 2-) Làm việc nhẹ (làm việc ở bàn giấy) | 36 calories |
| 3-) Làm việc vừa (thợ nhà máy, thợ mộc) | 40 calories |
| 4-) Làm việc nặng (thợ nề) | 45 calories |
| 5-) Làm việc thật nặng (phu bắt-tê) | 50 calories |

Trẻ con dưới 18 tuổi, mỗi kilo cần từ 70 đến 50 calories. Người già, số ấy bớt đi nhiều.

Các thứ đồ ăn sinh ra calories thì được như sau này:

CÁCH ĂN UỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT-NAM XÉT VỀ SINH LÝ HỌC

NGUYỄN ĐÌNH HÀO

Protides (chất đạm) 3,68 calories

Glucides (chất đường) 3,88 calories

Lipides (chất mỡ, 8,45 calories

Mỗi kilo trong người ta phải cần 1gr25 chất đạm, Đổ i v ó i m ộ t người nhón làm việc vừa vừa ví dụ: một người cân nặng 50 kilos thì phải ăn mỗi ngày:

$50 \times 1,25 = 62\text{gr}50$ đạm-chất. Ngăn ấy đạm-chất sinh ra $62,50 \times 3,68 =$

230 calories sức nóng.

Theo cách tính của sinh-lý-học thì trong 24 giờ, một người cân nặng 65 kilos, làm việc vừa vừa, phải cần những thứ sau này:

Đạm-chất	81 grammes
Đường chất	394 —
Mỡ	60 —
Muối bẽ	13 —
Các chất muối khác	13 —
Nước	2000 —

Sau hết, theo sinh-lý-học, không thể lấy một thứ đồ ăn này thay thứ đồ ăn khác được: người ta không thể ăn toàn chất-đạm hay chất đường hay chất mỡ cho đủ số calories cần trong một ngày được. Ba chất ấy có tính cách riêng, không thể thay lẫn cho nhau được. Một bữa ăn phải đủ ba chất ấy mới bổ-ích cho thân-thể được.

Bây giờ ta xét xem bữa ăn của ta có hợp những phép ấy của sinh-lý-học không. Ta chỉ bàn ở đây đến cách sinh-hoạt của những người sống theo cách hoàn-toàn Việt-Nam, tức là những viên-chức trung-bình các công sở, các thợ-thuyền và dân cấy cấy nhà quê.

Trong một gia-đình Việt-Nam hạng thường, mỗi ngày có hai bữa cơm và một bữa quả sáng. Bữa quả sáng thường là cháo hoa ăn với đường hay đậu phụ kho, hoặc sô-i. Hai bữa cơm trưa và tối không mấy khi khác nhau, thường là rau rura, giá, cà, đậu phụ, cá, tôm, thịt.

Theo cuộc điều - tra của bác-sỹ Dương Văn An (luận-án thi y-khoa bác-sỹ ở Hanoi năm 1938) thì trong một bữa ăn của ta có những món sau này :

a) 760 grammes gạo, trong có 556gr chất đường với 76gr chất đạm.

b) 59 gr đậu phụ, có 7 gr chất đạm.

c) 6 gr thịt, trong có 1gr25 chất đạm.

d) 2 gr cá, trong có 0gr34 chất đạm.

e) Chất mỡ thì có 5 gr lấy ở thịt cá và 8gr36 lấy ở 760gr gạo ra.

Tổng-cộng lại thì trong bữa cơm chung bình có :

556 grammes chất đường

85,25 chất đạm

13,40 chất mỡ.

Ở nhà quê cách ăn lại sơ sài hơn và thất thường hơn. Ngày thường, chỉ ăn hai bữa, vào 6 giờ sáng và 12 giờ trưa, ăn cơm với rau, tôm, tép, cá, thỉnh thoảng mới có một ít thịt. Chiều tối, có khi ăn thêm ngô hoặc khoai. Ngày mùa thì ăn ba bữa, vào 5 giờ, 10 giờ và 3 giờ chiều, các món ăn cũng tương tự như trên.

Xét cách thức ăn uống ấy thì bữa ăn của người Nam phần nhiều là cơm gạo. Ăn tức là ăn cơm, các món ăn khác chỉ là món phụ để nuốt chối được mấy bát cơm thôi.

Theo bản thống-kế gần đây thì mỗi người mỗi năm ăn hết 200 kilos gạo, tức là một ngày 555gr. Ngăn ấy gạo sinh ra 1.880 calories. Theo nghị-định quan Toàn-Quyền Đông-Pháp ngày 25 Octobre 1927 thì mỗi người phụ các đồn điền phải được ăn 700gr tức là 2.415 calories ; . . .

So với số chất đường ấy thì chất đạm và chất mỡ rất ít: Kể cả hai thứ đạm-chất lấy ở thịt và ở tương, đậu - phụ ra, chỉ có chừng 85gr, còn chất mỡ không quá 10gr.

Xét ra ta ăn thịt rất ít ; ta ăn cá, tôm, tép, còn thịt thì không được bao nhiêu, thường là thịt lợn hơn là thịt bò. Theo bản thống-kế gần đây thì mỗi năm ở Đông-Pháp người ta giết :

215.000 bò và bê

111.000 trâu

2.635.000 lợn

tức là:

21.500.000 kilos thịt bò và bê

18.870.000 kilos thịt trâu

131.750.000 kilos thịt lợn

Cộng cả lại 172 120.000 kilos thịt. Chia với 22 triệu dân số thì hơn bù kém mỗi người ăn một năm 7kilos824, nghĩa là mỗi ngày 21gr70. Số ấy so với ngoại-quốc thì rất ít: ở Pháp mỗi người mỗi năm ăn hơn 50 kilos; ở Anh, từ 50 đến 100 kilos.

Theo phép sinh-lý-học thì ba chất đạm, đường mỡ; trong bữa ăn phải cân nhau. Theo bác-sỹ Morin thì số tỷ - lệ của ba số ấy đối với nhau phải như sau này :

Protides Glucide Lipide Glucide

Bữa ăn thường,

vừa đủ 18% 8%

Bữa ăn thật đủ 22% 16%

Thế mà bữa ăn hàng ngày của ta, tỷ-lệ protide/glucide không quá 15% và tỷ-lệ lipide/glucide chỉ có 2,4%. Nghĩa là bữa ăn không được cân: nhiều chất đường quá, rất ít chất đạm và chất mỡ.

Về những yếu-tố khác, như muối, vitamine, ta không thiếu. Đồ ăn của ta thường là đồ tươi cả, các thứ rau đậu, hoa quả đều có nhiều các vitamine chính.

Nói tóm lại thì về phương-diện khoa-học, bữa ăn của ta thiếu chất đạm, đối với số chất đường ta dùng rất nhiều. Cách ăn như thế có phải không?

Năm xưa, bác-sỹ Normet, chánh giám - đốc sở y-lý Trung-kỳ, có khảo-cứu một bệnh ông gọi là Bouffissure d'Annam: người mắc bệnh thì phù thũng khắp người, da xanh, sức lực kém đi nhiều. Bệnh này một phần bởi ngã nước (paludisme), một phần bởi run sán, nhất là run ankylostome, nhưng nguyên-nhân chính là vì trong người thiếu chất protide. Cho bệnh nhân được tắm - bỏ bằng thịt cá thì họ đỡ đi nhiều.

Lẽ tất nhiên là muốn có nhiều protide thì ăn thịt, cá nhiều hơn.

Trong 100 grammes thịt hay cá, có ba chất glucide, lipide, protide như này :

Món ăn	Gl . cide	L ipide	Protide
Cá tươi	0	4,3	17,3
Cá khô	0	12,1	22
Thịt lợn nạc	0	13,2	20,8

Ngoài ra ta còn hai món hàng ngày có nhiều protides là nước mắm và tương.

Trong 100 grammes nước mắm, tùy theo từng hạng, có từ 6,8 grammes đến 9,4 protides thường. Ngoài ra còn có những protides đặc-biệt, rất cần cho thân-thể, như histidine, tryp-

tophane. Trong nước-mắm lại có nhiều muối bẽ (chlorure de sodium) nữa. Nhưng ta nên biết rằng chỉ có hạng nước mắm tốt mới có đủ các chất ấy, còn những nước mắm mà dân nghèo thường dùng thì chỉ có tên là nước mắm, chứ thật ra chỉ là nước muối với thính thôi.

Trong 100 grammes nước tương có 4,6 grammes protides, nhưng tương không được thông dụng bằng nước mắm. Tương nhiều protides hơn nước mắm hạng sáu.

Bệnh tê-liệt (béri béri) sinh ra bởi trong người thiếu vitamine B1. Vitamine này rất cần cho sự tiêu-hóa chất đường (glucide). Ta ăn glucide nhiều (mỗi ngày hơn 600 gr. thường 450 gr thì đủ) càng cần vitamine B1 nhiều. Lúc thường, những đồ ăn tươi đem cho ta đủ số vitamine cần thiết ấy. Một khi ta ốm, ăn uống kém đi, chất vitamine kém đi, bệnh tê vì thế có thể phát ra được. Những sản-phụ ăn kiêng, chỉ ăn cơm với ít nước mắm, tương hay với một ít đồ ăn khô khan, nên thiếu vitamine B: bệnh tê vì thế dễ phát ra.

Hạng người làm việc nhiều như lính, như phu phen, càng cần nhiều protides và vitamine, nên các nhà chức-trách có thảo ra những thực đơn riêng cho họ, để họ đủ sức làm những công việc khó nhọc.

Những điều kiện của các bữa ăn ấy như sau này : (theo bác-sỹ Guillermin và Morin) :

- 1-) sinh ra được 2.750 calories.
- 2-) ít ra có 50 grammes chất đạm (protides)
- 3-) số tỷ-lệ ba chất protides, glucides, và lipides phải là :

protides/glucides : từ 15 đến 25/1.

lipides/glucides : từ 11 đến 20/1.

Linh ta ăn có hai cách, tùy theo làm công việc ngày thường trong trại hay khi đi tập trận

Cách ăn ngày thường như sau này :

Đồ ăn	Cân lượng	Glucides	Lipides	Protides
Gạo trắng số 1	750 gr	562 gr 50	3 gr 90	60 gr 75
Cà tươi	190	0	8, 17	32, 87
Thịt	60	0	7, 92	12, 48
Nước mắm	15	0	0	1, 41

CÁCH ĂN UỐNG CỦA

DANH VĂN NGOẠI QUỐC

OSCAR WILDE

TU' - TU'ỞNG VỀ NGHỆ - THUẬT

TẠO HÓA CHÉP NGHỆ - THUẬT

TẠO hóa là gì? Tạo hóa không phải là một bà mẹ thừa sinh lực đã cấu tạo chúng ta, mà chính là một sáng tạo của khối óc chúng ta : trí thông minh của ta đã cho nó sống. Mọi vật có hiện hiện, bởi vì chúng ta trông thấy chúng và sự thụ cảm cũng như hình dáng của điều ta trông đều dựa vào những mỹ thuật đã ảnh hưởng đến ta. Nhìn và trông là hai điều khác hẳn nhau. Người ta chỉ trông thấy một vật gì khi người ta nhận thấy đẹp của nó. Lúc ấy vật đó mới được phò ra cõi sống. Thử nay mọi người trông thấy sương mù, không phải là vì có sương mù, nhưng vì những họa sĩ, và thi sĩ đã dạy cho họ biết cái duyên đẹp bi hiềm của những cảnh tượng giống như vậy. Chắc hẳn ở Luân Đôn từ bao nhiêu thế kỷ nay vẫn có sương sa. Sự đó đã nười phần chắc chắn, nhưng chả ai trông thấy nó cả, bởi vậy chúng ta chẳng biết gì về nó cả. Nó chưa hề hiện hiện khi nghệ thuật chưa sáng kiến ra nó.

Oscar Wilde (Intentions: The decay of lying)
Đ. G. T. dịch

Dẫn Giải — Ba nguyên tắc của mỹ học thuyết của Oscar Wilde thuở ông ta viết thiên *The decay of lying* (Sự suy đồi của dối trá), đại khái là : 1-) Nghệ thuật sống độc lập, không cần liên lạc với tinh thần của thời đại. — 2-) Nghệ thuật nào quay trở lại đời sống và tạo hóa là đi lầm đường, — 3-) Đời sống và tạo hóa bắt chước nghệ thuật hơn là nghệ thuật chép đời sống và tạo hóa.

Đời sống chép nghệ thuật đã vậy, đến cả tạo hóa vô tri cũng bắt chước nghệ thuật. Tác giả khởi luận từ một nguyên ước : « Người ta chỉ trông thấy một vật gì khi người ta nhận thấy đẹp của nó ». Phải dựa vào cái nguyên ước ấy mới hiểu được ý nghĩa của lý thuyết. Hằng ngày có lẽ qua một con sông ta vẫn trông thấy một thứ hoa lúc trắng, lúc hồng nhưng từ khi một thi sĩ đã cho ta biết đó là hoa phù dung và đã viết : « Phù dung đã dữ bên sông bơ sở », thì ta nhận thấy cái đẹp của phù dung, và từ ngày ấy đối với ta, trong tạo hóa đã có hoa phù dung. Tức như cảnh khói lam, sóng biếc, cảnh đêm giăng, mà họa sĩ hoặc thi sĩ đã cho ta cảm thấu vẻ đẹp. Tức như cảnh sương mù ở Luân Đôn.

Theo lý luận ấy thì nghệ sĩ sáng kiến tạo hóa ta trông thấy « Tạo hóa phò cho ta những hình dáng mà chúng ta đã tìm thấy trong thơ và họa »

Trong thuyết của Oscar Wilde, sứ mệnh của nghệ sĩ, và trách nhiệm của họ trở nên quan trọng vô cùng.

ĐINH GIA TRINH

Ô-tô, nhà lầu... cái mộng đó
sẽ thành sự thực nếu các
ngài bỏ 1\$ 00 mua

VÉ SỞ SỞ ĐÔNG-DƯƠNG

Trong hai bữa ăn ấy, tất cả có 107gr 51 chất đạm, 46gr 76 là chất đạm lấy ở thịt ra. Bữa ăn ấy sinh ra 2751.06 calories.

Khi đi tập trận thì ăn như sau này :

Món ăn	Cân lượng	Glucides	Lipides	Protides
Gạo trắng số 1	800 gr	600	4,16	64,80
Cà tươi	200	0	8,60	34,60
Thịt	70	0	9,24	14,56
Nước mắm	15	0	0	1,41

Hoặc là :

Món ăn	Cân lượng	Glucides	Lipides	Protides
Gạo nhà quê	800 gr	587,20	9,12	79,20
Cà khô	200	0	24,20	44,00
Thịt	70	0	9,24	14,56
Nước mắm	15	0	0	1,41

Tổng cộng số chất đạm ở cách trên là 115gr 37, cách dưới là 139gr 17. Số chất đạm lấy ở thịt ra thì trên là 50gr 57, ở dưới là 59, 97.

Cách trên sinh ra 2942, 88 calories ; cách dưới 3458, 28 calories.

Đối với phu phen thì nghị-định quan Toàn-Quyền ngày 25 Octobre 1927 bắt các chủ nào dùng phu mà cho họ ăn thì các đồ ăn phải như sau này :

Gạo	700gr
Hoặc { gạo	500
{ bánh tày	200
Thịt hay cá khô	200
Hoặc cá tươi	400
Rau tươi	300
Trẻ	5
Mỡ	20
Muối	20
Nước mắm hay tương	15

Cách ăn như thế mỗi ngày sinh ra 3200 calories.

Trẻ con dưới mười bốn tuổi thì số cân-lượng bớt đi một nửa.

Ta nhận ra rằng trong các bữa ăn vừa nói ở trên, của lính và của phu - phen - đạm - chất rất nhiều hơn bữa ăn thường của ta : trong số đạm chất ấy một phần lớn lấy ở thịt ra.

NGUYỄN ĐÌNH HÀO

NGƯỜI VIỆT - NAM...

ĐỊA VỊ SÁCH ĐOẠN TR

SÁCH Đoạn-trường tân-thanh đầu có giá-trị không tiền tuyệt hậu trong văn-học-sử nước ta, nhưng nó không phải là một sản vật ngẫu nhiên, phi thường, như có nhiều người tưởng thế. Vì duyên cớ gì Nguyễn Du viết sách ấy? Thiên tài của Nguyễn Du có quan hệ mật thiết với những điều kiện địa lý, lịch sử cùng hoàn cảnh gia-đình và xã-hội thế nào, ở đây tôi hãy tạm không bàn đến. Tôi chỉ xin nhắc rằng khi ông viết sách Đoạn trường tân-thanh là chính khi quốc-văn của ta đương thịnh vượng. Ở đời Lê mạt, ta đã thấy có những tác phẩm có giá trị như: *Cung oán ngâm*, *Chinh phụ ngâm*, *thơ Hồ xuân Hương*, *Trình Thử truyện*, *Phan Trần truyện*. Văn-chương của Đoạn-trường tân-thanh là thừa thụ tất cả những tinh hoa đặc sắc của các tác phẩm ấy, do thiên tài của Nguyễn Du phát triển thành dồi dào thêm và in dấu đặc biệt của mình mà thành một kiệt tác. Trong các tác phẩm kể trên thì *Cung oán ngâm*, *Chinh phụ ngâm*, tuy viết bằng quốc âm nhưng lời văn điêu trác, hay dùng điển cố, cho nên chỉ được hạng thượng lưu trí thức biết thưởng giá, mà không được phổ cập trong dân gian. Hơn của Hồ xuân-Hương, cùng các truyện hoặc trước hoặc sau Đoạn-trường tân-thanh, như *Trình thư*, *Phan Trần*, *Thạch Sanh*, *Phương Hoa*, *Phạm công*, *Cúc hoa*, thì lời văn dễ dàng trong dân gian người ta hiểu được nên thích đọc, nhưng hạng thượng lưu lại chê là thông tục hoặc nôm na mà không thêm xem. Duy có Đoạn-trường tân-thanh, tức là truyện Kim-Vân-Kiều, văn chương đủ tinh nghiêm trang, đường hoàng, điêu luyện, diễn tả, khiến kẻ học thức phải khâm phục và mến yêu, mà lại đủ cả tinh giản dị, phổ thông để khiến bình-dân hiểu được mà thưởng thức. Một cơ khác khiến người ta, dù có học hay không học, đã đọc đến truyện Thủy - Kiêu là phải say mê, tức là âm điệu nhịp nhàng của câu văn êm dịu như bài hát. Ta thường thấy những người nhà quê, những đứa trẻ chăn trâu, những con bé giữ em, hát những câu Kiều mà nó không hiểu gì cả. Người ta không cần nghĩ đến nghĩa, mà chỉ cốt để cho các âm điệu véo von uyển chuyển của câu hát ru me êm hôn mà thôi.

Lại còn một cơ nữa khiến truyện Kim-Vân-Kiều thành tác phẩm phổ thông nhất trong xã hội ta—

có lẽ trong thế giới ít có tác phẩm văn chương nào phổ cập được trong đủ các hạng người như thế—là vì văn chương truyện ấy tả nhiều tình cảnh phức tạp, mà tả giống hệt khiến hạng người nào đọc tưởng như cũng nhận được có chỗ giống với tình cảnh của mình ít nhiều, thế mà câu văn lại gọn gàng, bình dị, du dương, khiến người ta đọc qua là nhớ, mà thường đem dùng như câu ví hay câu tục ngữ (1)

Vì cơ ấy nên khi người ta mở truyện Kim - Vân-Kiều ra xem, vô luận ở chỗ nào, thì thường thấy những câu na ná hợp với tình cảnh tâm sự của mình vì lẽ ấy người ta thường dùng truyện ấy làm sách bói mà tưởng là linh ứng. Lòng hâm mộ có thể nói là lòng tôn sùng đối với quyển sách ấy gia cho nó thêm cái tính thiêng liêng, cho nên người ta tin phép bói Kiều lắm (2)

Truyện Kim-Vân-Kiều được toàn thể quốc dân hâm mộ tôn sùng như thế cho nên từ xưa đến nay các nhà trí thức đua nhau phê bình nghị-luận, nào làm tựa (3), nào vịnh thơ (4), nào làm án Kiều (5), nào làm phú Kiều (6), nào làm bài hát về Kiều

(1) Nên xem bài *Địa-vị truyện Kiều trong lịch-sử qu? c-răn* của Nguyễn phú Đốc (Bulletin de la Sté d'Enseignement Mutuel du Tonkin, Tome XVI — N° 3 — 4 Juillet, Décembre 1936.)

(2) « Nhưng điều tôi lấy làm lạ hơn nữa là, người đời dùng để bói thì thấy ứng nghiệm như thần, nên thường xem như là Quĩ cốt linh-kính, là bói làm sao? Há chẳng phải là Thủy-Kiều tài sắc không hai, làm một người tình ngàn thu tuyệt đỉnh, mười lăm năm lịch duyệt phong trần, làm một việc tình ngàn xưa tuyệt đỉnh; diễn ra làm truyện, làm ly đồn toả, thành một khúc tình tứ tuyệt đỉnh ngàn xưa, đem ra so sánh với bản của Thanh tâm tài nhân, lại còn hay hơn nhiều lắm, người đã kỹ, việc lại kỹ, mà văn chương lại thêm kỳ, cho nên chẳng những say người mà còn có thể thông đến thần linh nữa vậy ru? » (Bài tựa của Đào Nguyên-Phổ đề lúc thượng tuần tháng 11 năm Thành-thái thứ 10. cho bản *Tân-khắc Đoạn-trường tân-thanh* chữ nôm của Kiều Giá sơn xuất-bản tại Hà-nội)

(3) Tựa của Thập-thanh thị tựa của Mộng-liên đình chủ-nhân tựa của Đào-Nguyên-Phổ.

(4) Thủy Kiều thi-tập của Chu-Mạnh Trĩnh, cùng nhiều nhà nho khác.

(5) Kim-Vân-Kiều tập án của Nguyễn-Văn-Thắng.

(6) Kim-Vân-Kiều phú.

U'ÔNG TÂN THANH...

(1), nào dịch truyện Kiều ra chữ Hán (2). Trong dân gian thì người ta tập Kiều (3), hát Kiều lầy, hát chèo về Kiều, trai gái thì lật câu Kiều để viết thơ tình; thậm chí đến nhà buôn cũng dùng ich Kiều để làm quảng cáo (4).

Những thành-ngữ và điển-tích trong sách Kim-Vân-Kiều thường dùng làm văn liệu cho các nhà thi sĩ và văn sĩ ngày nay, cho đến giọng văn lục bát của Kim-Vân-Kiều vì có một tính riêng, cũng được người ta mô phỏng. Ta có thể nói rằng trong các tác-phẩm quốc-văn xưa, không sách nào ảnh-hưởng sâu xa đối với quốc-văn ta ở hiện đại bằng truyện Kim-Vân-Kiều vậy.

Nhưng các công-nghiệp của truyện Kim-Vân-Kiều trong lịch sử quốc-văn còn lớn hơn thế nữa kia. Từ xưa, trong xã hội ta học vầu là đặc quyền của giai-cấp sĩ-phu, là giai-cấp sang trọng, giàu có, phong lưu, còn dân quê ở chốn « nước đọng bùn lầy » thì chỉ thỉnh thoảng vớt được một chút học ở trên rớt xuống. Cái trạng thái chia rẽ ấy, ta thấy rất rõ ràng trong văn học. Ở trên thì văn học chữ hán, tầm chương trích cú, mài chữ để câu của các nhà nho, ở dưới thì dân chúng lấy những tiếng nôm na mộc mạc đặt thành những câu hát những bài vè, cùng là kể những chuyện khôi hài chuyện cổ tích. Một bên thì văn chương phù hoa đề thủ phạm, văn chương cử nghiệp đề cầu danh một bên thì những lời nói tự nhiên, có lúc cực cần để bày tỏ những cảm tình oái oăm thắc mắc. Văn của kẻ trên thì chữ nghĩa thâm, áo, điển cổ rườm rà, kẻ dưới không thể hiểu được, cho nên cứ để cho nó vu vơ: Văn của kẻ dưới thì chắt-phác thực thà, kẻ trên chê là nôm na mách què không đoái đến, cho nên nó cứ lẹt đẹt ở trình-độ bình dân. Đến đến khi trong nhà nho có ít người chịu ảnh hưởng của dân chúng mà viết văn nôm, như *Cung oán ngâm*, *Chinh phụ-ngâm*, thì cũng vẫn là văn chương riêng của bậc thượng lưu khác hẳn với các truyện *Thạch-sanh*, *Phương-hoa* của các nhà văn vô danh cho dân chúng. Nguyễn Du

(1) Ca trù vịnh Kiều của Nguyễn-Công-Trứ; Kim-Kiều ký thác, điệu sa mạc của Nguyễn-Thúc-Khiêm.

(2) Kim-Vân-Kiều lục

(3) Kiều vận lập-thành của Nguyễn-Bặng-Cư

(4) Lô-tô Kim-Vân-Kiều của Đại-Quang được phỏng.

là nhà văn thư nhất mà cũng là nhà văn duy nhất của ta đã làm mất được cái trạng thái huyền cách đo, vì ông gồm được tài học-vấn uyên thâm với tinh tự nhiên chất phác, vì cái hoa hán-học của ông đã nhờ được khí chất của đất nước nhà dinh dưỡng cho nên ông đã tiêu biểu đầy đủ được cái tinh thần Việt nam, đã dung hợp được văn hóa trung quốc với những giá trị vĩnh viễn của nước nhà kỷ thạc trong bình dân.

Truyện Kim-Vân-Kiều là tác phẩm đầu tiên làm chứng rằng nước ta có thể sản xuất được một thư văn học chung cho các hạng người trong xã hội, vậy nó đã gây dựng được cái nền tảng cho cuộc văn học thống nhất ngày nay. Nó lại là cái chứng cứ hiển nhiên rằng tiếng Việt-nam ta có đủ tư cách làm một thư ngôn ngữ học-vấn có thể đương được cái trách nhiệm gánh vác công cuộc bồi đắp văn hóa nước nhà, vì cái thứ tiếng mà xưa kia các nhà tri thức xem khinh đó đã sản được một áng văn chương giá trị rất cao. Truyện Kim-Vân-Kiều thực đã mở một Kỷ-nguyên mới trong văn-học sử nước ta vậy.

Cách đây hơn hai mươi năm, nhờ ảnh hưởng của tây-học, ở nước ta nổi lên phong trào gây dựng quốc-van, một ít nhà tân học bấy giờ như các ông Phạm Quỳnh, Nguyễn-Văn Vinh nhận rõ được địa vị và công dụng truyện Kim-Vân-Kiều trong công cuộc kiến thiết ấy, bèn đề xướng nó, biểu dương nó, mà các nhà thức giả trong nước bèn phụ-họa-theo (1) Từ đó người ta đề ý đến nó rất đông và mỗi ngày suy cứu tìm tòi để phát huy cái hay của nó, nào chú-thích, nào phê bình, cho đến năm 1924, hội khai-tri tiến-đức ở Hanoi và hội Quảng-trị ở Vinh khởi xướng việc lễ kỷ-niệm Nguyễn-Du, là người trong nước đã nhận ông làm bậc đại-công-thần của quốc-dân vậy.

(1) Truyện Kim-Vân-Kiều, do Trương Vĩnh ký diễn ra quốc-ngữ đầu tiên in năm 1898 ở nhà in Claude et Cie, Saigon, đề là: Kim-Vân-Kiều truyện, transcrit pour la première fois en quốc ngữ.

Ông Nguyễn-văn Vinh là người Việt-nam đầu tiên đem truyện ấy dịch ra pháp-văn, đăng ở Đông dương tạp chí năm 1914, Ông Phạm Quỳnh là người đầu tiên viết một bài khảo cứu kỹ càng về truyện Kim-Vân-Kiều đăng ở Nam-phong số 30 năm 1919.

...TRONG TU' TU'ÔNG VÀ

VĂN CHU'ÔNG VIỆT-NAM

Ngày nay truyện Kim-Vân-Kiều đã được toàn thể quốc-dân công nhận là văn phẩm bậc nhất của nước ta không những các nhà thanh niên tây-học hâm mộ nó, ta còn thấy có nhà văn-sĩ pháp (ông R. Crayssac) đem dịch-nó ra chữ Pháp (1) và nói rằng: « Áng văn kiệt-tác của Nguyễn-Dụ có thể đem so sánh mà không sợ kém với văn chương kiệt tác vô luận ở thời nào và ở xứ nào » (2).

Thực ra truyện Kim-Vân-Kiều không phải đã được mọi người đồng thanh hoan nghênh như thế đâu. Người mặt sát Kim-Vân-Kiều một cách cay độc nhất và buồn cười nhất là có một người Pháp nào đó tên là Villard. Ông này chỉ nghe lỏm được một ông, nhà nho câu chấp nào làm án truyện Kim-Vân-Kiều rồi chỉ bằng vào trí tưởng tượng, không chịu đọc văn, không xét phải chăng, mà hạ bút phê bình đại rằng: « Trong một nước mà người ta rất thạo về những thói hoa nguyệt rất tinh vi truyện Kim-Vân-Kiều làm ra cốt là để làm vui cho một ông vua dâm dăng... Nếu người ta có thể tảo bạo so sánh truyện Lục-Vân-Tiên với sách Illiade (1) thì người ta có thể so sánh một cách xứng đáng hơn truyện Kim-Vân-Kiều với những tiểu-thuyết hời dâm của Justine hay của nam-tước de Sade... Truyện Kim-Vân-Kiều có những đoạn dâm-ô không dung được. » (3) Ta không cần biện bác lời bình luận điên đảo ấy, vì ai đã đọc tác-phẩm của Nguyễn Dụ và tác phẩm của Thanh tâm tài-nhân thì cũng biết rằng những đoạn mô tả thô bỉ trong nguyên-van Nguyễn-Dụ lược bỏ hết và chỉ kể sơ bằng vài ba câu lời lẽ rất kín đáo thanh tao.

Trước người Pháp ấy, các nhà nho ta vẫn đã có nhiều người dè dặt hay nghiêm khắc với truyện Thủy-kiều, những dấu cho « 1 húy-Kiều, đoạn trường cho đáng kiếp tà dâm » như Nguyễn-Công-Trứ, hay cho, « suốt một đời Kiêu không được một điều gì cả » như Mai-Khê, hay cho sách ấy là « ai lâm sâu oán đạo dục tang bî » như Ngô-Đức-Kể, dấu các ngài co ngan cấm con em không cho đọc sách ấy, thì cũng chỉ là đứng về phương diện đạo đức mà chê 1 húy-Kiều là dĩ, và sợ cho con em tuổi trẻ, tâm chí chưa định, sẽ vì cái khuynh hướng theo ác dễ theo thiện khó mà bắt chước những điều luân lý thường nghiêm cấm. Song ngoài hai điều ấy ra, thì các ngài vẫn thừa nhận đoạn trường tân-thanh là một mỹ-thanh tuyệt diệu, đến nỗi cho rằng một người đàn ông mà không biết thưởng thức thực van nôm « Thủy-kieu » là người tục tằn (4). Nhà nho nghiêm nghị chân chính ai cho bằng đức Minh-mệnh và Hà-Tôn-Quyền mà ngay khi Đoạn trường tân-thanh mới ra đời, vua tôi đã cùng nhau đem ra làm đề đề ngâm vịnh: ở triều Tự Đức, vua tôi cũng đều là những nhà nho uyên bác và cổ « chấp, mà giữa Triều-đình ta cũng thấy truyện Thủy-Kiều được đem ra làm đầu đề bình luận (5) mà chính đức

Tự Đức đã mê sách ấy đến nói rằng: « Say chẳng » Say bản Tịnh-Tâm » « Say ngựa Hậu-bồ, say ngâm Thủy-Kiều ».

Taxem-thế thì đối với những nhà nho chính thống truyện Thủy-Kiều cũng không phải là dâm thư.

Không bỏ Thủy-Kiều là dĩ mà lại cho nàng là « một niềm hiếu thảo muôn thảo danh thơm, đáng kính đáng mến; hạng người vinh qui tằm thường há lẽ sánh kịp (6) », như Nguyễn-Kỳ-Nam; xét án Kiêu mà cho là « đủ nhân, trịnh, hiếu, nghĩa » như Nguyễn Văn-Thắng; đọc văn Thủy-Kiều mà cho rằng « từ văn của mình quả nhờ thế mà thành hoạt bát hơn » như Kiêu-Oánh Mậu, các nhà nho ấy lại đi tới một bậc nữa là không cho truyện Thủy-Kiều có di hại cho tâm chí thiếu niên. Các nhà nho tân-học như Trần-Trọng-Kim lại cho truyện Thủy Kiêu « găm đủ cả nhân, nghĩa, trí, tin, thực là quyển sách rất có luân lý », cho đến Phạm-Quỳnh lại cho rằng truyện Thủy-Kiều đối với quốc-dân ta là một thứ phúc-âm, một thứ thánh-kinh, đó là chưa kể nhiều nhà thiếu niên tân học cũng theo ý-kiến nhà phiên dịch truyện Thủy-Kiều là René C ayssac mà cho rằng Vương-Thủy-Kiều là tiêu

(Xem tiếp trang 26)

(1) Trước R Crayssac, đã có Abel Michel dịch truyện Kim Vân Kiêu ra chữ pháp, đó là *La poèmes d'Annam Kim-Vân-Kieu tân truyện*.

(2) Bài tựa R Crayssac trong sách, ông dịch Kim-Vân-Kiều ra pháp văn; Kim-vân-Keou (Hanoi, Lê-Văn-Tân, 1926).

(3) Theo bài tựa sách Kim-Vân-Kiều của R Crayssac, đã dẫn ở trên.

(4) Làm trai phải đánh tổ tôm, uống chè Mạn-hảo, xem nôm Thủy-Kiều.

(5) Đức Tự-đức đã tự sửa lại ít nhiều câu mà ngài cho là chưa được hay và sức đem khắc thành một bản mới, gọi là bản Kinh.

(6) Xem Tri-Tân số 63, trang 10

TUẦN BÁO ĐÀN BÀ

La bạn thiết của tất cả các bạn gái.

Là món quà quý để các bậc cha mẹ cho con, các ông chồng lặng bà vợ, các anh trai tặng các em gái.

Tờ báo phụ nữ độc nhất ở Đông Dương hiện thời, toàn do các bạn gái chủ trương.

Giá báo 1 năm: 6p.00, 6 th. 3p.00, 3 th. 1p.60

Mandat mua báo gửi cho:

Mme THUY AN, Journal Đàn Bà
76, Wiêlê — Hanoi

NGU'ÒI QUA ĐU'ÔNG

(Tiếp theo trang 11)

Thôi tôi giả lại cô vậy! Bằng không được nữa đâu! Vả lại lòng tôi cô em thiệt tôi không biết cảm ơn cô thế nào!

Cụ GIÀ. — Bác đừng cảm ơn! Có gì đâu!

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG. — Vâng... Có gì đâu! Nhưng đối với tôi thì tấm lòng bố thì đến thế là chả có gì hơn nữa! Cụ xem, trên mình tôi không còn một mảnh giẻ nào nên thân nữa...

Cụ GIÀ. — Bác đừng nghĩ gì đến sự đó thì hơn.

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG. — Vâng... Nhưng tôi lại không thể không nghĩ đến được. Mà tôi lại sợ thế này nữa kia: Nếu tôi gặp người bố thí, tôi nhìn họ y như quạ đối thấy xác ma... Tôi sẽ vắn vợ xung quanh họ, cầu cho họ chết tiệt, để mắt tôi trông thấy... Hoặc là tôi muốn đem bao nhiêu người khác ngoài người bố thí cho tôi ra, mà rửa cho chúng nó chết tiệt, chết sạch sành sanh! Tôi cũng muốn rửa cả tôi nữa!... Số là tôi lại đáng được rửa hơn ai hết. Tuy vậy, tôi chưa có sức làm được như vậy... Mà dầu sức tôi có làm được, tôi cũng chưa hẳn muốn cho người ta phải một cái cảnh ngộ ấy, vì họ có ưng gì cảnh ngộ ấy đâu! Tôi nghĩ lại: Thế này thì hơn: (nói với cô bé). Này cô bé, mảnh vải của cô tốt thiệt nhưng hơi bé,... tôi giả lại cô vậy.

CÔ BÉ CON. — (Có vẻ sợ hãi, lùi vào) Không! Tôi không lấy lại đâu! Ông mang đi vậy...

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG. — (Mặt như có vẻ cười)

A! a!.. Vì tôi đã cầm lấy rồi nên cô không lấy lại nữa phải không?

CÔ BÉ CON. — (Gật đầu, chỉ vào cái dây). Ông bỏ vào trong kia!.. Rồi mang đi mà chơi.

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG. — (Buồn bã lùi lại). Nhưng mang cái này vào lưng thì bước làm sao được?

Cụ GIÀ. — Bác thử không ra hơi nữa, mang dây vào lưng cũng không nổi... Thì ở lại nghỉ ngơi một chỗ đã nào!..

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG. — Phải... Nghỉ ngơi... (Đứng im, nghỉ ngơi bỗng lại giật mình, lắng tai nghe). Không, không thể được! Tôi đi là hơn.

Cụ GIÀ. — Bác nhất định không thích nghỉ lại một lát sao?

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG. — Tôi thích nghỉ lắm chứ!

Cụ GIÀ. — Thế thì ở lại vậy.

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG. — Nhưng tôi không thể nghỉ được!..

Cụ GIÀ. — Bác vẫn cho rằng đi là hơn hay sao?

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG. — Vâng!.. Đi van là hơn.

Cụ GIÀ. — Thế thì bác cứ đi là hơn!

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG. — (Uốn lưng) Vâng! Tôi xin chào cụ vậy. Tôi rất cảm ơn cụ với cô bé. (Nói với cô bé). Cô bé, cái này để giả lại cô' cô cất đi cho.

(Cô bé con sợ hãi, chấp tay, lén vào trong nhà).

Cụ GIÀ. — Bác mang đi vậy! Nếu như có nặng quá, thì cứ vất ngay vào đám cỏn mà trước kia.

CÔ BÉ CON. — (đi ra). Ấy? ấy! Thế thì không được!

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG. — A! ấy! thế không được mà!

Cụ GIÀ. — Vậy bác cứ treo lên mấy cành bách-hợp tường ~~xi~~ kia vậy!

CÔ BÉ CON. — (vỗ tay) Ha! ha! phải!

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG. — O! ơ!..

(Im lặng trong một lát),

Cụ GIÀ. — Thế thì, xin chào bác! Bác đi cho bằng yên nhé! (Đứng dậy nói với cô bé). Con, con dắt ông vào vậy. Mặt giờ lặn rồi. (Đi vào phía cửa).

HIỆU CẠO VÀ NHÀ TÂM

PHẠM NGỌC PHÚC

3 Richaud, Hanoi

(góc phố Hàng Bông và Phủ doãn)

Chuyên môn nhuộm tóc và uốn tóc bằng máy điện.

Lớn nhất và có tiếng là lịch sự nhất Hà-nội. Tiếp khách suốt ngày và lúc nào cũng có nước nóng.

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG.— Cảm ơn cụ, cảm ơn cô. Chúc cụ và cô khỏe. (Vợ vẫn nghĩ, bông giặt mình). Nhưng tôi không tài nào đứng lại được! Tôi phải đi... Đi là hơn!

(Ngắt đầu lèn, mạnh mẽ đi về phía tây). Cô bé con diu cụ già vào nhà, đóng cửa lại. Người qua đường lang thang đi về phía cánh đồng hoang, bóng hoàng hôn sẫm xuống dần dần lan rộng tối đen che cả lưng người qua đường...

(Trích ở tập Dạ-thảo 2-3-1925)

Dẫn giải. — Trong thiên kịch ngắn này, ảnh hưởng phái biểu hiện (Expressionnisme.) (1) rất là rõ rệt.

Cũng như phần nhiều kịch biểu-hiện, « Người qua đường » là một tấn kịch dàn-cảnh rất là sơ sài. Một cánh đồng hoang, một lùm cây, một căn nhà, mảnh rách nát, một đồng gạch vụn, một tấm cửa, một lối mòn, ... « phong » (décor) của tấn kịch chỉ có thế.

Những quan-diểm nghệ-thuật rất trọng-yếu trong các kịch cổ điển, lãng-mạn, tự nhiên, như là: phân-tích tâm-lý, sắc-thái địa-phương (couleur locale) sắc-thái lịch sử (couleur historique.) là những chuyện cũ-rích. Không cần tri-ý đến. Tấn kịch này xảy ra ở đâu? Về hồi nào? Ở đâu cũng được! Ngày nào cũng được! Cho đến các nhân vật trong kịch. Người đâu? Tên gì? Tuổi tác? Nghề nghiệp? Lai lịch? Văn nghệ biểu-hiện không tri-ý đến những chuyện con cà, con kê như vậy!

Mục-dịch nghệ-thuật là cốt cởi hết những dây ràng-buộc của hình thức, của hiện-tượng để trực tiếp với tự ngã (le moi) để giúp cho sự trực-hiện của linh-hồn, để « tóm » cho được ý-vị và tinh-thần của tâm-linh — Nếu cần thì đánh tan hết những quy-luật của văn-pháp, ý-nghĩa của ngôn-từ, cú-diệu, cũng không từ! Sau những trạng thái vô-thường, biến-ảo, như là ngôn-từ, cử-động, sau không-gian, thời gian, nhà nghệ-thuật phải tìm cho ra chân-tượng của tâm hồn. Chính vì vậy mà trong kịch thường ta vẫn nghe những câu nói không đầu vào đầu, và những cử chỉ lố-lãng—khó-hiểu.

(1) Một nền văn-nghệ bắt đầu thành-hình ở Đức vào khoảng ba bốn năm trước trận Lu chiến—1914-1918. Phong-trào văn nghệ tâm-tiến này đã được tờ tạp-chí Action (hành-động) ở Berlin ủng-hộ. (1911) Từ 1918 giờ đi, nhờ có những tác-phẩm của các nhà văn-hào G. Kaiser, E. Toller, W. Hasenclever, F. Werfer, mà thể lực phái biểu-hiện có một hồi đã bành trướng khắp trên văn-đàn thế-giới. Từ 1920 giờ đi, văn-nghệ biểu-hiệu cũng có ảnh-hưởng lớn ở Tàu và Nhật. Anh em sinh đối với chủ-nghĩa biểu-hiện về mặt chính-trị là hoạt-động chủ-nghĩa (activisme).

Riêng ánh-sáng có một địa-vị quan-trọng đặc biệt trên sân-khấu. Trong tấn tuồng « Người qua đường » này ánh hoàng-hôn trên lùm cây, trong nhà cụ-già, tia sáng lóa lem sau cánh-cửa trên bãi tha-ma, và bóng tối giờ cuối cùng dần dần đen sẫm lan rộng và phủ kín lưng của vai tuồng chủ-động; đều có thể làm cho tấn tuồng thêm nhiều khí-sắc và linh-động. Quang-tuyến là « con hát cầm » trong nghệ-thuật kịch biểu-hiện.

Chú trọng về đại-chúng hơn là cá-nhơn, về trạng thái phổ biến hơn là cá-tính, về thực-thể sâu xa của tâm-hồn hơn là những ấn-tượng (impressions) thiên-cận, nhà văn sĩ mô tả những nhân vật đại-biểu cho cả một đoàn-thể, một giai-cấp, một thời đại, với những điều yêu cầu tha thiết, những hy-vọng mơ màng, hoặc những nỗi đau đớn, những hứng thú kín đáo, sâu xa.

Ba vai tuồng trong « Người qua đường » chỉ là đại biểu cho ba lứa tuổi. Tinh cách, vận mệnh của một cá nhân, cũng là bản chất của một đoàn thể. Nhân vật kịch cũng là những mô-hình (type) nhất định, phổ biến.

Ông cụ già là về hạng lão-đại, giàu kinh-nghiệm giàu cảm tình với những người chịu đau đớn. Nhưng tinh thần tấn thủ đã tiêu hao cùng tuổi tác, cho nên trong lúc lĩnh-hội sự vật bao giờ cũng có vẻ thờ-ơ của một người lãnh nhàn. Ông không lấy gì làm lạ nhưng cũng chẳng có gì là thích dưới ánh sáng mặt trời này nữa.

Còn cô bé con, chưa đến tuổi trưởng thành nên chỉ chưa có một ý tưởng thanh sơ đối với đời, với sự vật, cũng chưa hề cảm thấy những nỗi đắng cay của sự sống, chưa biết gì là lo lắng về hiện tại, về tương lai. Trên bãi tha ma hiu quạnh, dưới ánh chiều hôm, cô vẫn lượm được những nụ hoa dại của lứa tuổi vô tư, vô lự.

Vai chủ-động trong « Người qua đường » là đại biểu cho thể hệ trong ngoài bốn chục, với nỗi khủng hoảng tâm hồn của lứa tuổi. Đã từng cảm thấy những nỗi éo le của đời người, đã chán chường với cuộc đời trước mắt, nhưng « người qua đường » vẫn còn hơi sức mà đi tới. Đi tới! Vì tất đã có một mục đích gì, nhưng chẳng qua để thỏa thích một dục vọng ngày đêm thúc dục, ám ảnh. Đi, là vì dừng lại không được, là vì tiếng gọi của tâm linh đã dục người bằng một thần lực (hay là ma lực) mà không tài nào cự tuyệt được! Đi, đi mãi! Còn đi đến đâu không thể biết. Thái độ ấy bảo là điên rồ cũng có lẽ. Nhưng biết đâu những cử chỉ điên rồ ấy không phải chỉ là biểu hiện cho một tâm hồn khủng hoảng của một hạng người trong một thời đại?

Trái với các nhà văn cổ-diễn, lãng mạn hoặc tự nhiên chỉ cố công lo « gò » những câu văn thơ chải chuốt, giòn giã, văn nghệ biểu hiện sẽ đem những

(Xem tiếp trang 31)

Hôm thứ năm ấy cũng như mọi ngày thứ năm trước, ở Hội Trí-tri Hà-thành, có họp tiểu-ban khánh-tiết, tiểu-ban cổ-động và tiểu-ban giáo-khoa của Hội Truyền-bá học quốc-ngữ. Mỗi ban họp trước nhau một giờ, để hội-viên nào có chân cả hai ba ban cũng có thể đến dự được, không phải thiếu ban nào.

Lúc bấy giờ đồng hồ đánh bảy giờ tối, một hội-viên trẻ tuổi ở trong ban khánh-tiết sang phòng họp ban giáo-khoa, nói to lên rằng: «Ồi dà-dà! hết ban nọ đến ban kia! Về lại phải chấm bài cho học trò ban ngày, đến mười-hai giờ mới được đi ngủ!

— Thi bọn thanh niên chúng mình phải làm việc cho bọn đàn em bắt chước, chứ sao!

Trưởng ban giáo-khoa, một người trẻ tuổi, lanh-lợi nói tiếp rằng:

— Chính hôm nay ban giáo-khoa chúng ta phải bàn đến việc tìm tài-liệu để làm bài tập đọc dạy học-trò yêu việc làm và mến sự học.

— Việc ấy nên làm, vì những học-trò lớn thường phàn-nàn đi làm về, không tài nào đến đúng giờ và học đều-đặn.

Một hội-viên trẻ tuổi nói rằng;

— Tôi thường lấy những chuyện ở sách Tây dịch ra rồi đọc làm ám-tả, những chuyện chép những người trước kia hàn-vi hoặc thợ-thuyền, y như học trò Hội Truyền-bá quốc-ngữ, — nhưng sau chịu khó học-hành, làm nên công-danh, 'oàn là những bậc siêng-năng cần-mẫn.

— Phải, cứ hễ siêng - năng thì chẳng có việc gì khó cả. Sách nho đã dạy rằng: «Nhất cần, thiên-hạ vô nan sự».

Một hội-viên trước có du học bên Pháp, nói tiếp rằng:

— Ở bên Pháp, cũng có lớp tối dạy thợ-thuyền: thầy giáo cũng không lấy tiền, thấy học-trò lớn tuổi ham học, thầy thích dạy lắm. Trong một lớp dạy cách-tri, có một người thợ rèn độ bốn-mươi tuổi, tối nào cũng thế, sau khi nghỉ tay, cứ đeo tấm vải da ở trước ngực, đến trường quần lại cất đi, rồi mới vào học, nên tối nào cũng chậm vài phút. Thầy giáo cũng biết, nên có ý chờ đợi: trong khi chờ, thầy giáo bảo các học trò ôn lại bài học trước để cho người thợ rèn hiểu được cả bài, không sót chữ nào. Thật là cảm-động!

Một giáo-viên nói rằng:

THANH NIÊN VỚI CĂN LAO

Ứng-hòe NG. V. TỒ

— Tôi dịch sách Tây, cho học-trò Truyền bá làm bài tập-đọc, chỉ kể những chuyện thợ làm nên danh tiếng. Như ông Jacques Amyot, con một người thợ thuộc da, sau phải đi ở một nhà có nuôi thầy dạy: Ông ta chỉ học lỏm, thế mà sau nổi tiếng dịch sách làm đến chức đại-tư-tế (grand aumônier) và chủ-giáo thành Auxerre. Ông ta mất năm 1593. Lại như ông Eléazar Féronce sống vào khoảng 1625 ở vùng Grenoble, trước làm vườn cho một lâu-đài kia, sau đặt ra những đồ xem thiên-văn, trong sách nhà số học Gassendi có nói tới. Lại một người thợ thuộc da tên là Jean Jordan vừa là một nhà học về toán pháp có tiếng, vừa là một tay giỏi về cơ-khí.

Một bạn thanh-niên ngắt lại-rằng:

— Sao anh không chép chuyện ông Beaumarchais làm quyền Figaro, là quyền chuyện anh thợ cạo lấu lĩnh? Ông ta là con một người thợ đồng-hồ, chính ông ta cũng chữa đồng-hồ: ngày chữa, tối học và tập làm văn.

— Làm văn thì làm lúc nào chẳng được! Tôi kể cho học-trò Truyền-bá nghe chuyện những người thợ mà khảo-cứu mới giỏi, vì khảo-cứu thì mất công tìm-tòi khó nhọc! chứ làm thơ làm văn thì chỗ nào làm cũng được, lúc nào làm cũng được.

— Chuyện ông Henri Mansuy có phải không? Ông ta nghiên-cứu về thời tiền-sử ở Bắc-kỳ ta, mất độ năm 1937, Nghe đâu cũng không phải là khoa bằng xuất-thân.

— Chưa, tôi chưa nói đến ông Mansuy, nhưng tôi cũng nói đến chuyện một nhà địa-chất-học, người Pháp tên là Marie Rouault. Hiện ở thành Rennes còn có cái bảo-tàng để tên ông ta: bảo-tàng ấy chính tay ông ta dựng lên. Ông ta là gì đâu? Chỉ là một người thợ cạo trong làng, đi hết nước này sang nước khác, thu nhặt các mẫu đá mẫu đất, nghiên-cứu đến nơi đến chốn, sau nổi tiếng là một nhà địa-chất-học có biệt-tài.

— Nhưng đó toàn là những chuyện Âu Mỹ. Ở nước ta không có ai cũng hàn-vi, cũng chăm học như thế để làm gương ư?

— Khốn, sách không chép!

— Có chứ! Trong niên-hiệu Cảnh-thống (1498 1504) đời vua Lê Hiến-tôn, có ông Trần-Đức là người làng Ngải-lăng, huyện La-son, tỉnh Hải-lĩnh, bé đi ở thường chăn trâu ở cạnh cầu, gần trường học: ông mượn sách học, được vài năm đỗ hương-cống. Năm sau gặp thi hội, ông dấu tên, đi mang thuê cho một ông

cống khác. Đến khi yết bảng, ông đỗ hội-nguyên, hoàng-giáp, sau làm quan đến thị-lang, về lại cầu ấy, tên là cầu Thị-lang, đầu như hấy còn bia thi phải. Chép trong bộ *Nam-sử lập-biên*, sách chữ nhỏ quyển 4 tờ 3.

— Có chuyện ông Lê-như-Hồ nữa. Ông là người làng Tiên-châu, huyện Tiên-lữ, tỉnh Hưng-yên sức-vóc to lớn hơn người, ăn khoẻ mà ham học ! vì nhà nghèo không đủ ăn, phải đến gửi rở ở một nhà giàu làng Thiện-phiến, đi gặt lúa rồi về lại đi học, thế mà sau cũng đỗ được tiến - sĩ, làm quan đến thị-lang. Khi đi sứ Tàu, vua nhà Minh muốn giữ ở lại để dạy hoàng-tử. Cũng chuyện trong *Nam-sử lập-biên*, quyển 4, tờ 28 b,

— Nhưng chuyện ấy chưa phải là chuyện người hàn-vi. Hôm qua tôi có đọc cho học-trò Truyền-bá chuyện ông Nguyễn - kim - Ân, mới thật là hợp với cảnh học-trò Hội t. Ông Nguyễn kim-An là người làng Thời-cử, huyện Đường - an, tỉnh Hải - dương. Đầu đời Hồng-đức, vào khoảng năm 1470, làm lính trong điện, nghe vua Lê Thánh - tôn và các quan âm thơ, cũng làm thơ dâng, nên được vua cho về học, đến năm hai-mươi hai tuổi đỗ bằng nhỡn khoa nhâm-thìn, đời Hồng-đức thứ ba tức là năm 1472.

— Lại như ông Nguyễn xuân-Quang, người làng Kiệt-đặc (nghe thấy tên này, toàn ban bật cười lên)

huyện Chí - linh, tỉnh Hải - dương. Người rất độn nhưng siêng học, hễ đã thuộc thì không quên nữa Tiếng đọc sách tho và to, người làng xóm nghe tiếng đều chán, bịt tai lại. Ở sân có mấy cây cau, cứ vừa học vừa gõ, đến nổi mấy gốc cau chết khô. Người chỉ cho là nhà mình xưa nay không có ai đỗ, bảo em rằng « Đất nẻ có đâu trạch vàng: em làm gì khổ như thế » Ông cũng không nản chí, sau lâu lâu biến-hóa khí chất, trở nên một nhà danh - sĩ, đến khoa kỷ - mùi năm 1559 đi thi, đỗ tiến - sĩ, khi vinh quý; làm tiệc mời chị, có đề con trạch vàng trên án thư, nói đùa rằng: « Đất nẻ tuy không có trạch vàng, nhưng nếu có thì to lắm ! »

— Tôi tưởng chuyện đó cũng chưa đúng với cảnh học trò Hội Truyền - bá. Nhưng nếu chúng ta chịu khó sưu-tập, thì Hội ta có thể in ra một quyển sách tập-đọc vừa hay vừa có ích.

— Đề câu kết cho quyển sách là gì ?

-- « Có chí thì nên » hoặc « Hữu chí cánh thành

— Chữ tây có câu gì không ?

— Nghe đâu có câu : Không phải nghèo mà không làm được: « Pauvrele n'empêche point bons esprits de parvenir ».

Ứng hòe NGUYỄN VĂN TỔ

MỚI CÓ BÁN :

TẬP KIỀU

Của Tú Poanh

Trình bày rất ưa nhìn. Có 8 phụ bản của Nguyễn đức Nùng.

Giá : 1\$00

BỆNH THỜI ĐẠI

Của Phạm ngọc Khởi

Thử bệnh tinh thần mà bệnh nhân là mấy lớp thanh niên đất Việt, trong gần nửa thế kỷ này.

(Loại « Đạo làm người »);

Giá : 0\$55

GẦN HẾT :

BÀ QUẬN MỸ

Của Chu Thiên

IN GẦN XONG :

RĂNG ĐEN

Tiểu thuyết của cô Anh Th

THANH LỊCH

Cuốn sách xã-giao cho phụ nữ của bà Văn Đài

CÁC BẠN YÊU THƠ HÃY GẮNG ĐỢI :

« THU »

Thơ của Đỗ cầm Văn

« Thu » là cả một bản đàn tha thiết, âm điệu tân kỳ.

« Thu » tập thơ có những màu sắc hoàn toàn Việt-nam.

« Thu » sẽ in ra 50 bản quý, và 1000 bản thường.

Bản thường : 2\$50 . Bản quý : 8\$00

HƯƠNG XUÂN

Những vần thơ hay của mấy nữ thi sĩ có danh : Văn Đài, Hằng Phương, Anh Thơ, Mộng tuyết.

Nhà xuất bản

Đường 206 bis



NGUYỄN DU

số 11, Hanoi

Ý KIẾN BẠN ĐỌC

VỤ KIẾN «HÀN MẶC TỬ»

TRƯƠNG-CHÍNH

Vụ kiện trích thơ không xin phép giữa hai ông Quách-Tấn và Trần-Thanh Mai đến nay vẫn chưa kết liễu. Kẻ yêu mến văn-chương muốn góp ít lời bàn tưởng cũng không muộn.

Độ trước, trên tờ Trùng-An, hai bên nguyên, bị đã thi nhau dẫn những chứng cứ về việc « có cho phép » và « không cho phép ». Sau hai bài báo, ông Quách-Tấn kết luận rằng: « Hàn-Mặc-Tử từ lúc sinh thời không hề ưng thuận cho Trần « quân dùng văn nghiệp của mình ; sau khi Tử « mất, gia-đình Tử không hề tỏ lời ưng thuận cho « Trần quân trích văn thơ của Tử ; lời cũng không « ưng-thuận, trái lại còn tỏ ý phản-đối là khác », (Trùng-An, số 38, ngày 21 Juillet 1942). Lời buộc tội hùng hồn và chặt-chẽ lắm.

Tuy nhiên kẻ theo vụ kiện đến giai-đoạn này vẫn còn phân-vấn và chưa dám phát-biểu một ý-kiến nào cả. Những bức thư giữa Hàn-Mặc-Tử và ông Trần-Thanh-Địch (em ông Mai), những bức thư giữa gia-đình Hàn-Mặc-Tử, giữa ông Quách-Tấn và Trần-Thanh-Mai, thì chỉ riêng hai người đó biết với nhau mà thôi. Một vài mẫu, không dấu, không đuôi, trích dẫn ra có thể làm sai lạc sự thực như chơi.

Nhưng rồi họ lại tự đặt ra những câu hỏi khác : « Lá đơn của ông Quách-Tấn có thể chấp được không ? Lá đơn ấy có chính đáng không ? có đúng cách không ? Ông Quách-Tấn có thể vịn vào bản quyền tác-giả để kiện ông Trần-thanh-Mai không ?

Muốn trả lời những câu hỏi này, lại phải đặt ra nhiều câu hỏi khác nữa. Bản-quyền tác-giả là gì ? Ở trường hợp nào bản-quyền tác-giả mới bị xâm-phạm ? Nhà phê-bình có cần xin phép ai không khi muốn trích một ít văn thơ — đã xuất bản hay chưa xuất-bản — của kẻ khác để phê-bình ? Đây, ông Trần-thanh-Mai có cần xin phép ông Quách-Tấn (người giữ quyền tác giả thơ Hàn-Mặc-Tử) khi trích một ít thơ của Tử đem vào

trong cuốn sách của mình không ? Do mới là vấn đề chung. Đó mới là thua khoa của vụ kiện lý-ký này.

...

Ngày 9 tháng 9 năm 1886, tại kinh thành Berne 66 đại-biểu có đủ toàn-quyền hành-dộng, do 34 nước cử ra, (Allemagne, Autriche, Belgique, Etats Unis du Brésil, Bulgarie, Danemark..., France..., Japon...), họp nhau lại thảo-luận một bản khế-uớc mục-dịch là để bảo-vệ một cách công-hiệu và duy-nhất những tác-phẩm văn chương và mỹ-thuật. Bản khế-uớc ấy hiệu-định lại ngày 13 tháng 11 năm 1908 tại Berlin và ngày hai tháng 6 năm 1928 tại Rome đã trở thành một bản khế uớc quốc-tế. Ở điều-khoản thứ 12, có chỉ rõ các cách « chiếm đoạt gián-tiếp, không xin phép một tác phẩm văn-chương và mỹ-thuật » (1). Chiều theo đây thì cuốn Hàn-Mặc-Tử của ông Trần-thanh-Mai không thể ghép được vào hạng nào cả. Những đoạn văn-thơ dẫn-chứng trong sách ông chỉ choan giữ có một phần rất khiêm-tốn. Ta dễ cho bị cáo tự bào chữa lấy thì hơn :

« Xét ra, — ông Trần-Thanh-Mai viết, — một « mặt thi sự-nghiệp thi-ca của Hàn-Mặc-Tử gồm « tất cả ngót mười tập ; có thể tổng-cộng ngót vài « ngàn trang, nghĩa là ngót sáu vạn câu. Một

(1) Article 12 — Sont spécialement comprises parmi les reproductions illicites auxquelles s'applique la presente convention, les appropriations indirectes non autorisées d'un ouvrage littéraire ou artistique, telles que adaptations, arrangements de musique, transformation d'un roman, d'une nouvelle ou d'une poésie en pièce de théâtre et réciproquement etc... lorsqu'elles ne sont que la reproduction de cet ouvrage dans la même forme ou sous une autre forme, avec des changements, additions ou retranchements, non essentiels, et sans présenter le caractère d'une nouvelle « œuvre originale ». (Convention internationale de Berne).

« mặt, sách của tôi gồm gần ba trăm trang, nghĩa là gần một vạn câu, mà những bài trích-dẫn « cộng chừng mười trang, vào lối không đầy ba « trăm câu », (Tràng An, số 18, ngày 23 Mai 1942) — Theo tỉ-lệ đó thì cuốn Hàn-Mạc-Tử biểu lộ được rõ-ràng tính cách một tác-phẩm mới riêng của người viết. Nó dường hoàng thuộc quyền sở-hữu của kẻ này. Vậy, dầu nó có « ích lợi chung » hay là chỉ « ích lợi riêng » cho một người, dầu nó « đã làm cho bà thân Tử đau buồn, chị em Tử tủi nhục, bạn-bằng của Tử bất-bình » — như lời ông Quách-Tấn, — ông Trần-Thanh-Mại cứ có thể đem sách của mình bán lấy tiền, không hề xâm-phạm đến quyền lợi của ai và không phải bồi thường cho ai cả.

Vả chăng, cuốn Hàn-Mạc-Tử là một tác-phẩm phê-bình. Mà nhà phê-bình thì xưa nay vẫn có quyền tự tiện trích văn thơ của kẻ khác đem ra đối chiếu. Sự đó hiển nhiên, không ai chối cãi được, cả ông Quách-Tấn nữa, có điều ông này chỉ « hơi tiếc » rằng lý lẽ ấy « chỉ để bào chữa « cho những nhà phê bình trích văn thơ đã in « thành sách mà thôi. Trường-hợp Trần-quân « có khác : những thơ văn Trần-quân đã tự tiện « trích — trừ những bài trích ở « Gái Quê » — « đều là thơ văn trong những tập chưa xuất-bản « của Tử » (Tràng-An, số 29, ngày 20 Juin 1942). Như thế là ông Quách-Tấn phân-biệt những tác phẩm chưa xuất-bản với những tác-phẩm đã xuất-bản.

Sau lời bắt bẻ này, không thấy ông Trần-thanh-Mại trả lời sao cả. Có lẽ ông bi chảng ? Nếu quả vậy thì ông Trần - Thanh - Mại cũng như ông Quách - Tấn, hai ông đều không hay rằng trong khế ước làm tại Berne nói trên, người ta không hề phân biệt những tác-phẩm đã xuất-bản với những tác-phẩm chưa xuất-bản. Hai thứ đó được xem như nhau, nghĩa là, về phương-diện bản-quyền tác-giả, (mà chỉ phương diện này mới đáng kể ở đây thôi), hai thứ đó có giá-trị ngang nhau. Kẻ có tác-phẩm chưa in thành sách cũng

chỉ có những quyền hạn như kẻ có tác-phẩm đã in thành sách. Những quyền hạn này được kê trong thời gian gồm đời sống tác-giả và 50 năm sau khi tác-giả từ-trần. Bây giờ, nếu ông Quách-Tấn có thể vin vào bản-quyền tác-giả để kiện ông Trần-thanh-Mại trích thơ Hàn-Mạc-Tử không xin phép ông, thì, bất cứ ai, Thế-Lữ, Huy-Cận, Xuân-Điệu... (chỉ kể vài tên) cũng có thể vin vào bản-quyền của tác-giả mà kiện các nhà phê-bình đã trích thơ không xin phép họ. Chứ sao ?

••

Vụ kiện này tuy là một vụ kiện giữa hai cá-nhân, nhưng nó có tính cách chung. Nó quan-hệ đến những kẻ mà đời sống đã ký-kết với văn-chương, nhất là những nhà phê-bình, hạng nghệ sĩ lúc nào cũng cần đến tác-phẩm của kẻ khác để làm việc.

Bởi vậy, ở trường-hợp này, ý-kiến của một nhà nghề — như ông Phan-Anh chẳng hạn — tưởng cũng quý báu lắm. (1)

TRƯƠNG-CHÍNH

(1) Sẽ có một bài riêng bàn về việc này : T. N.

ĐỊA VỊ SÁCH ĐOẠN TRƯỜNG TÂY THANH...

(Tiếp theo trang 20)

biểu cho dân tộc Việt nam. Lời tán tụng cũng quá đáng như sự mạt sát trên kia, mà quá đáng là vì hai bên đều lấy tư-tưởng luân-lý mà phê bình phán-đoán một tác-phẩm nghệ thuật, chúng ta sở dĩ yêu chuộng hâm mộ truyện Thúy-Kiều không phải vì nó có thể làm quyền sách luân-lý cho đời, mà chỉ vì trong sách ấy Nguyễn-Du đã dùng những lời văn thần diệu để rung động tâm hồn ta, khiến mỗi câu văn chúng ta ngâm, hoặc khi Kiều Kim gặp gỡ, hoặc khi gia biến, hoặc khi Kiều bị đẩy dọ, hoặc khi tái ngộ chàng Kim, đều chan chứa một mối đồng tình lâm ly và một tâm hồn trong trẻo ; chỉ vì Nguyễn Du đã đem những câu văn « vừa lâm ly vừa ủy my, vừa đốn tỏa, vừa giải thú, vẽ hết ra một người tài mệnh trong mười mấy năm trời » ; trải qua biết bao nhiêu những nỗi đau đớn ê chề mà vẫn giữ trọn tấm lòng thanh khiết ; chỉ vì Nguyễn-Du đã gieo vào lòng ta những mối hứng thú tế nhị thanh cao, cùng những mối cảm tình thương người, nhất là thương người phải chiến đấu với phận-mệnh.

ĐÀO DUY ANH

Trích ở sách

Khảo-luận về Kim-Vân-Kiều
(sắp xuất bản)

VỎ-ĐỨC-ĐIÊN

ARCHITECTE D. P. G. L.

N° 3, Place Négrier — HANOI

TÉLÉPHONE : 77

VIỆC QUỐC TẾ

MẶT TRẬN ĐẠI-TÂY-DƯƠNG

ĐỖ ĐỨC DỤC

(Tiếp theo)

Để chống lại nạn tàu ngầm, về cuối năm 1939 người Anh đã đem áp dụng một khí-cụ nghe-ngóng rất mỹ-măn do đó mới có những sự thắng lợi trước hồi tháng Juin 1940. Nhưng về sau, người Đức khám phá ra được cơ-quan đó ở trên những tàu họ bắt được, và họ lập tức tìm ra phương-pháp chống lại nghe dấu cũng khá hiệu nghiệm.

Ở trận đại chiến trước, người ta đã dùng một chiến-cụ đánh tàu ngầm có hiệu quả hơn hết, đó là khu-trục-hạm hay tuần-dương-hạm hạng nhanh, những tàu này hễ nghe chỗ nào có tàu ngầm xuất-hiện thì lập tức tới đó thả ra rất nhiều lựu đạn chứa nhiều chất nổ. Nhưng ngày nay trước số tàu ngầm địch-quân tăng lên, số tàu săn đó lại kém đi: năm 1918 nước Anh có 500 khu-trục-hạm, cộng với của Mỹ 100 chiếc, Pháp 92 và Ý 67, thành ra tất cả 755 chiếc; năm 1941 Anh chỉ có 300 tàu đó; vẫn biết người ta phải đóng thêm, nhưng số bị hại cũng nhiều, hầu không có tuần nào là không nghe Anh báo tin mất một chiếc. Ta đủ hiểu mối quan trọng việc Mỹ nhận bán khu-trục-hạm cho Anh năm 1940, và tại sao Anh chịu giá một giá rất cao.

Ta cũng nên nhớ rằng trận 1914-18, đồng-minh đánh tàu ngầm bên địch rất dễ là vì đường tiếu-binh hay thoái binh chung qui đều phải đưa đến duyên hải Đức rất hẹp, và người ta cứ nhằm mấy ổ tàu ngầm không ngoài mấy nơi: Ostende, Zeebrugges, Wilhemshaven; đến như ngày nay thì tiềm thủy đình bên địch xuất trận ở tất cả những bến từ Biarritz tới Cap Nord, mà trong những nơi căn cứ rất nhiều đó, chỉ riêng có vài quân-cảng, như Brest Lorient, bị bom thả xuống tàn phá.

Về sự chống lại thủy-lôi, trước hết người ta đã tìm ra phương-pháp trừ thủy lôi từ thạch là làm cho những tàu « mất tính chất từ-khí » đi (démagnétiser) nghĩa là gây nên ở trên những tàu đó một từ-giới (champ magnétique) sức ngang mà ký-hiệu ngược lại (signe contraire) với từ giới do chính khối kim-khí của thân tàu sinh ra. Nhưng đặt được cơ-quan đó ở tất cả các tàu là một việc mất nhiều thì giờ.

Để chống lại những thủy lôi khác, như thứ thủy lôi buộc cho nổi ở đầu một sợi giây, từ trận đại chiến trước người ta đã tìm ra thứ máy rà thủy lôi (paravane) hình chữ V; mỗi khi qua một hải phận

nguy hiểm người ta đặt máy đó ở kuông mũi tàu và cách mạn tàu ra bằng những phao nổi ở một mực đã tính trước. Nhưng trái lại những khí cụ để ngăn cản sự vét biển (appareils de contre-dragage) cũng rất tấn tới, vài hạng có thể làm cho máy rà thủy-lôi kia chao đi và làm thủy-lôi đập vào mạn tàu mà nổ.

Máy rà thủy lôi đó lại càng nguy-hiêm đối với thứ thủy-lôi có điện làm nổ bằng cách chạm vào giây buộc hay vào chiếc « ăng-ten » (antenne) đặt ở trên, cao gần mặt nước. Duy một phương-pháp bảo-vệ có hiệu nghiệm là dùng thứ tàu vét biển riêng, tàu này do người Đức nghĩ ra từ trước, cứ để cho thủy-lôi nổ như một tàu thương, nhưng vỏ nó làm cho có thể chịu đựng được nhiều lần nổ không việc gì, đó là hạng tàu gọi là Sperrb echer.

Dù sao thì những sự thiệt hại do thủy lôi gây nên vẫn nhiều, mà vì địch quân không biết, cho nên không bao giờ được công bố rõ ràng.

Đền như những sự tàn phá do tàu ở trên mặt biển gây nên, tuy số bách-phân có kém, nhưng cũng là một mối lo ngại cho sự bảo-vệ hải-thương. Cách chống lại độc nhất là dùng hộ-ống-hạm; nhưng nếu sự uy hiếp do một chiến hạm mạnh như chiếc Bismarck, thì những tàu hộ-tống cũng phải rất mạnh, mà chính những tàu ấy cũng tự dẫn vào sự nguy hiểm, thêm điều những tàu kia thành ra không dùng được vào việc quân khác nữa. Phần nhiều những chiến-hạm và nhất là hàng-không-mẫu hạm mất đi vì lẽ đó. Thế mà sự uy hiếp của tàu-ô lại lan rộng ở khắp các đại dương thì ta đủ hiểu sự mất mát kia tăng lên ngần nào.

Sau hết, tất nhiên ta phải nói đến chiến cụ quan trọng và mới mẻ tức là phi-cơ. Để chống lại, người ta chỉ có một phương-pháp có kết quả mà chính lại là dùng tàu bay. Đảo quốc phải đặt ra nhiều đội phi-cơ thường-địch tuần-thủ ở trên miền bị uy hiếp. Ở đây nước Anh đã bị một điều bất lợi là không dùng được xứ Irlande làm nơi căn-cứ cho không quân, vì sự chia rẽ giữa xứ đó với Đảo-quốc

..

Thực ra chỉ có một phương pháp diệu hơn hết để tránh những kết-quả nghiêm-trọng do sự tàn phá thương-thuyền, đó là cách đóng tàu khác.

Nhưng ở đây nữa, biết bao nhiêu nỗi khó-khăn! Trước hết, dù sự đóng tàu mới nhanh đến đâu chăng nữa, cũng không theo được nhịp tàn phá của địch quân. Cứ theo lời tờ báo Đức « Gazette de Cologne » thì đồng-minh không tài nào bù lại được số tàu bị Trục đánh đắm. Vào quãng tháng Aoút 1942, nhịp tàn phá đã tới tỷ-lệ bốn đổi lại một, nghĩa là đáng lẽ Anh Mỹ đóng một thì nay phải đóng đến bốn chiếc tàu mới bù lại được số thiệt hại. Chính ngay hãng Reuter ở Hoa-thịnh-Đốn cũng công nhận trong mấy tháng đầu năm 1942, số tàu bị thiệt hại hơn nhiều số tàu đóng được cũng trong thời kỳ đó, nhất là vì những sự tàn phá do tàu ngầm của Trục gây nên ở miền duyên hải phía đông Hoa Kỳ. Và người ta lại nói thêm rằng, trừ một sự phi thường xảy ra không kể, số thương thuyền của Anh Mỹ sang năm thế nào cũng kém nhiều số tàu có vào năm 1942.

Còn biết bao nhiêu nỗi khó khăn trong việc đóng tàu mới: sự thiếu nguyên-liệu, hiếm hoi trong lúc này, sự tàn phá các xưởng đóng tàu do phi-cơ bên địch gây nên, nhất là những xưởng ở miền duyên hải Đông Anh Ấy là ta chưa nhắc nếu người ta đóng nhiều tàu buôn lên tất-nhiên người ta phải hy-sinh những kỹ-nghệ chiến tranh khác.

Ta cũng không nên quên rằng Địa-trung-hải chính là nơi phá-hại tàu-bè nhiều vô kể, những sự thiệt-hại nặng hơn hết là đều ở đó gây nên.

...

Nói tóm lại trận Đại tây-dương đã đặt Anh-quốc vào một tình-thế nghiêm-trọng. Theo tờ tạp-chi Life của Mỹ ba hồi 1er Septembre 1939 Anh có 21.000.000 tấn thương-thuyền. Tính cho tới ngày 1er Janvier 1941, thêm vào số đó 12.000.000 tấn vừa tàu của các nước đồng-minh giúp, tàu thuê hay mới đóng, tàu đã chiếm được của địch-quân, tổng cộng: 33.000.000 tấn Nhưng từ đầu cho đến 1er Janvier 1941, Anh bị thiệt-hại 5.300.000 tấn, còn lại 27.700.000 tấn xong có phải tất cả số đó dùng về việc buôn bán, mua thực phẩm, mua nguyên-liệu dầu lửa, trừ số những tàu phải sát-nhập vào việc quân, theo lời bộ Hai-quân Anh, thì chỉ còn 13.000.000 tấn chuyên việc buôn bán Nếu ta lại tính những sự hao-hút do sự chậm-trễ vì hợp thành từng đoàn, vì đường dài thêm ra, v. v... thì số đó lại chỉ còn tương đương với số 4.000.000 tấn trong thời bình. Trong khi đó số tàn-phá trung bình là 5.000.000 tấn (về năm 1941), nếu theo tin Đức thì từ đầu cuộc chiến-tranh cho đến tháng Aoút 1942 Anh bị thiệt-hại tới 19 triệu rưỡi tấn tàu buôn nếu cứ theo một nhịp đó thì Anh không mong gì kháng chiến được lâu dài, mà cần phải một thủ-đoạn phi-thường để xoay đổi chiến-cục.

Nước Mỹ gia-nhập chiến tranh cũng tỷ như người đã tiếp mau cho Anh, nhưng chưa phải là định-đoạt được tình-thế. Và từ khi xảy ra cuộc chiến-

tranh trên Thái-bình-Dương, thì sự giúp đỡ của Mỹ cũng bớt đi nhiều.

Mới đây những cuộc đồ-bộ của quân Anh-Mỹ ở châu Phi đã làm ngạc-nhiên thế giới. Người ta đã bàn đến một cuộc đồ-bộ sang Âu-châu ở miền Nam một thể cờ phi-thường có thể định-đoạt được tình thế chiến-tranh. Nhưng dù sao thì nước cờ đó cũng vẫn còn phải lệ-thuộc trận Đại-tây-dương vì Đại-tây-dương vẫn còn là con đường quan trọng duy-nhất để tiếp-tế lương-thực, súng ống và quân lính cho những đội quân đồ-bộ trên kia.

ĐỖ ĐỨC DỤC

Mặt trận Bắc-Phi.

Quân-Anh Mỹ, sau khi đã chiếm Maroc và Algérie, đang tiến sang Tunisie đích cuối cùng và tối quan trọng của cuộc xâm lăng Bắc-Phi Pháp. Vì Bizerte, hai cảng và căn cứ hành binh to nhất xứ này, chỉ cách Sicile một đảo sát ngay đất liền và thuộc địa phận Ý-dại-lợi, có chừng 200 cây số. Nếu Anh Mỹ chiếm được Bizerte thì Ý sẽ bị uy hiếp trực tiếp gây một mối đáng lo cho phe Trục.

Chiến tranh vì vậy sẽ khùng khiếp ở Tunisie. Rất nhanh chóng Đức-Ý đưa quân sang bằng máy bay; đến ngày 17 Novembre đã có 10.000 quân và số đó ngày ngày tăng lên gấp bội. Nhiều trận quan trọng bằng chiến xa đã diễn ra ở biên thùy Algérie-Tunisie. Quân Anh-Mỹ đã tiến vào địa phận Tunisie, và ngày 26 Novembre có tin dò bên giáp chiến ở gần một cái đèo về phía tây nam thành phố Bizerte. Ngày 27-11 quân Mỹ còn cách Tunis có 16 cây số.

Những cuộc không chiến khồng lồ xảy ra ở Bizerte và Tunis. Quân Anh Mỹ tiến cả xuống miền nam Tunisie.

Đồng thời ở Cyrénaïque, tướng Anh Montgomery rón quân Đức Ý về phía tây chiếm Derna, Benghazi (trên bờ biển Địa-trung-hải). Tương l'ommel thu quân về đóng ở một chỗ hiểm yếu cách Tripoli chừng 100 cây số.

Trong một ngày gần đây, cục diện chiến tranh sẽ xoay về miền nam Âu-Châu nếu Anh Mỹ được thắng lợi hẳn ở Bắc-Phi Người ta chú ý đến khu hình tam-giác Sardaigne-Sicile-Bizerte trong Địa-trung-hải.

Mặt trận Nga.

Trái lại với tình-thế tháng trước quân Nga phản công ở nhiều nơi và có phần thắng lợi.

Cuộc tấn công của Hồng-quân dữ dội nhất ở Stalingrad. Nga đánh thắng được phòng tuyến Đức ở phía bắc và các đoàn quân Nga bị vây trong thành ở miền đó từ 3 tháng nay đã nhận được rất nhiều quân đến tiếp viện.

Quân Đức đóng trong miền Stalingrad và miền giữa hai sông Don và Volga tất cả độ 30 vạn quân

Một sự lạ không ai ngờ tới là quân Nga đang thi hành một chiến lược bao vây 30 vạn quân Đức ấy. Một mặt, quân Nga từ miền khuỷu sông Don ở phía tây bắc Stalingrad đánh dồn xuống, một mặt từ phía nam Stalingrad đánh thúc lên, khép 2 gọng kim lại để vây quân Đức ở Stalingrad rồi tiến tới Rostov để cắt con đường vận lương của toàn thể quân đội Đức ở Caucase.

Ở phía bắc và phía nam, quân Nga đã tiến được khá nhiều. Tuy nhiên mục đích trên cũng còn lâu mới đạt được. Giữa hai gọng kim phía nam và phía bắc Stalingrad, 2 lộ quân Nga còn phải vượt 120 cây số nữa mới gặp nhau, và mấy ngày gần đây (26. 27 - 11), quân Đức đã cản được sức tiến của hồng quân.

Ở các khu khác, quân Nga cũng tấn công ráo riết như ở Vitebsk và Viazma, cốt để chia lực lượng quân Đức ra làm nhiều mặt trận.

Ở Pháp

Sau khi sức kháng chiến oanh liệt của hải lục quân Pháp ở miền bờ xứ Maroc và Algérie bị phá vỡ thì tình hình Bắc-Phi rất mập mờ.

Vì Thống Chế Pétain và chính phủ Pháp khó giao thiệp được với Đô-đốc Darlan, nên người ta không biết rõ thái độ của Đô-đốc. Sau đó, theo một bản tuyên cáo của ông và bức điện văn giả lời Thủ tướng Laval thì người ta thấy rõ rằng Đô-đốc đã tự ý ký một bản hiệp ước đình chiến trái với những huấn lệnh của Thống Chế Pétain. Ông lại tuyên bố vì Quốc Trưởng Pháp ở vào một tình thế không nói hết được ý nghĩ chân thực nên ông phải hành động thay người. Vì vậy Thống Chế Pétain đã hạ sắc lệnh tước hết chức vụ và binh quyền của Đô-đốc Darlan.

Thống Chế giao phó toàn quyền hành động cho Thủ-Tướng Laval, cả quyền hành chính lẫn quyền lập pháp. Nếu vì một lẽ gì, Thống Chế không thể giữ chức Quốc-Trưởng, thì ông Laval sẽ thay người giữ tạm chức đó. Còn về trường hợp Thống Chế mất đi, thì vẫn như trước đã định, người nối chân sẽ do hội đồng Tổng-trưởng đề cử.

SÁCH MỚI

Việt nam cổ văn học sử: của Nguyễn đồng Chi soạn, tựa của Trần văn Giáp bặt của Huỳnh thúc Kháng Bia đặc biệt của họa sĩ Nguyễn đồ Trung. Hàn thuyên xuất bản - giá 4\$50

Việt nam thi ca luận cổ: Lương đức Thiệp nhà xuất bản Khuê văn. Giá 1\$00

Duyên hay nợ ? tiểu thuyết trào luận, kịch nhà xuất bản Văn Nghệ tác giả: Dương tử Giang. giá 0\$80

Xin cảm ơn các nhà gửi tặng và giới thiệu với các bạn đọc.

Quân Đức — Ý đã chiếm đóng quân cảng Toulon hôm 27 Novembre Đức tuyên bố viện cớ rằng cần phải gạt ra một nhóm vũ-quan trong lục hải quân Pháp có thể sẽ không tuân theo lệnh của Chính-chủ Pháp.

Hạm-đội Pháp ở Toulon gồm có độ 50 chiến hạm 3 thiết giáp hạm Dunkerque, Strasbourg, Provence 6 tuần dương hạm đã tự đánh đắm sau khi chống lại quân Đức. Số người bị nạn khá lớn. Phần nhiều các hạm trưởng đã chết theo tàu. Các nơi quân sự và các công cuộc phòng thủ bờ biển đều phá hủy hết. Tối 27 Novembre quân cảng trở lại yên tĩnh. Các nhà đương cục Đức đã hạ lệnh lợi hết khí giới của lục hải quân Pháp.

Darlan và Giraud bị tước quốc tịch.

Toàn-quyền Boisson tuyên bố theo phái phản nghịch Bắc Phi. Có lệnh giải tán quân đội Pháp—

Ở Đông Dương

Trong vòng một tuần lễ, hai tai nạn khủng khiếp xảy ra ở Bắc-kỳ, gây những cái tang đau đớn cho một số đông gia-đình.

Ngày 16 Novembre hồi 6 giờ chiều gần ga Văn-diễn, cách Hanoi 6 cây số hai đoàn xe lửa đâm phải nhau, một đàng là chuyến xe tốc hành từ Saigon ra và một đàng là chuyến xe thường Hanoi đi Nam định: 25 người chết và 68 người bị thương.

Lại đến hôm 22 Novembre, vào hồi quá trưa, máy bay Mỹ, bay trên địa phận Hảiphòng và ném bom xuống nhà thương dân: 43 người chết và 41 người bị thương.

Trong dịp thương tâm nay, chúng tôi buồn rầu kính viếng các bạn thiệt mệnh và phân ưu với tang quyến.

CÁI CHÍNH

Số Thanh Nghị 25 ra ngày 16 Novembre :

Trang bài « Một cuộc tranh luận... »

Trước 12, cột 2 :

Đoạn giữa, mấy chữ :

« Sử luận chiếu » xin đọc là : « sử luận Chiến ».

Cuối trang: « Ân cách... » xin đọc: Ân Cách Tư

Đoạn sau, mấy chữ :

1.) Chế- độ « chiến - sống » xin đọc là, Chế - độ Tiến Cống.

Bài « Danh văn ngoại quốc »

Trang 17, cuối cột 1 :

« Một trò rối đã vắn vơ buồn » xin đọc: « một trò rối đã vắn vơ buồn ».

Trong bài « Tư tưởng về Nghệ thuật »

Trang 18, cột 1, giòng 7: Xin đọc là « Robespierre đã ở trong những trang của Rousseau bước ra ».

Trang 18, cột 1, giòng 19, « nó thích hợp với đời sống những mục đích của nó » Xin đọc là « Nó thích hợp đời sống với những mục đích của nó »

== XÃ-HỘI VIỆT-NAM TỪ THỀ KỶ THỨ XVII ==

(Tiếp theo trang 6)

trong xứ có sản vật gì tốt, ngoại quốc có hàng gì đem vào bán, đều đưa đến đây cả, một tháng có hai phiên chợ to, vào ngày mồng một và mười lăm của tuần trăng. Kẻ chợ chiếm một vùng đồng bằng rất đẹp và rất phì nhiêu, rộng hàng bao nhiêu dặm và đặt trên bờ một con sông phát nguyên tự Trung-Quốc. Sông bọc lấy thành thị trong một khuỷu rộng nên việc buôn bán được dễ dàng; thuyền bè luôn đi lại được trên sông: sông còn chia ra nhiều ngành, nhiều sông đào rất có ích cho việc chuyên chở các hàng hóa và làm thuận tiện việc buôn bán các tỉnh ngoài với đô thị.

Người Âu châu nào đến thăm kinh thành (hay kẻ chợ tùy theo lối gọi của mỗi người, sẽ thấy nhà cửa ở đây không phải là những đầu đề đề ta ca ngợi, bởi vì nhà cửa ở đây cũng không khác nhà cửa những vùng khác trong nước; muốn làm những nhà đẹp hơn, phải tiêu tốn hơn vì đào sâu 2,3 thước đã thấy nước rồi, muốn tiện lợi mỗi nhà đào một cái chuôm thả cá hay một cái ao nhỏ không hại sức khỏe, có nước dùng để đặt quần áo, tắm rửa, tưới rau; cá câu để ăn tùy số ao,

chuôm ít hơn các miền khác. Nhà nào cao lắm thì có tầng gác thứ nhất, nhưng trên có làm nhiều chỗ cao, phòng khi nước lụt thì rút lên ở. Phố xá không lát đá. Dân gian thiếu chút nữa thì tổng ngồng và bao giờ cũng đi chân không như ở khắp trong xứ. Tuy có chỗ bẩn thỉu và đáng xấu hổ, ta cũng nên công nhận rằng thành này có nhiều chỗ rợ rở lộng lẫy. Thành phố có 72 phường phố mỗi phường rộng bằng một thành phố trung bình bên Ý-Đại-Lợi ta, 72 phường đầy những thợ cùng người buôn, muốn tránh sự hỗn độn và giúp ta tìm ngay được thứ ta cần dùng, ở cửa mỗi phường, có một tấm biển đề rõ thứ hàng, tốt hay xấu thành ra ít khi có người (cả người ngoại quốc) bị nhầm về giá hàng, về phẩm hàng tốt hay xấu, về lượng hàng bán đủ hay thiếu. Trên kia tôi đã nói là người ta chở đến đây tất cả các thứ sản vật trong xứ, của ngoại quốc, chở đến nhiều hơn bất cứ nơi nào trong nước. Vì lẽ ấy nên đức vua muốn các hàng hóa ngoại quốc đều ghé lại xứ, và ngài chỉ ưng rằng các tàu bè Trung Hao, Nhật Bản, Cao Miên, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Phi luật Tân, Hòa Lan và các nước khác ở Đông Phương muốn vào trong xứ phải ngược sông (Nhị Hà): không được đậu bến nào ngoài bến kẻ chợ (Trang 109-112).

NGUYỄN TRỌNG PHẤN.

TIN BUỒN

Chúng tôi được tin Cụ Đỗ xuân Mẫn, tri-châu tri sĩ, là tổ-phụ bạn Đỗ xuân Sảng vừa tạ thế tại Hanoi năm nay Cụ thượng thọ 72 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành kính viếng Cụ và cảm động chia buồn với bạn Đỗ xuân Sảng cùng tang quyến.

SẮP CÓ BÁN BÀI HÁT

PHỤNG MỆNH QUÂN VƯƠNG

BẢN THỨ HAI

CỦA BỘ VIỆT NAM NHẠC PHỔ

SỐ TẾT THANH-NGHI

ĐẶC BIỆT VĂN-CHƯƠNG VÀ MỸ-THUẬT

Một cuộc hội họp của các văn-gia, thi-sĩ, họa-sĩ, nhạc-sĩ vẫn được các bạn mến yêu, TÔ NGỌC VÂN trình bày.

Chú ý.— Các bạn đọc xa gần muốn họp vui trong số Tết xin kíp gửi bài về. Những bài không cần bó buộc phải nói về tết, miễn có giá trị về văn chương là đủ.

NGƯỜI QUA ĐƯỜNG

(Tiếp theo trang 22)

lời rất mộc mạc của tự vụng phổ thông mà pho diễn những dục vọng tha thiết, mà tìm tòi linh hồn của thời đại. Sống, có những nỗi đau đớn, thăm-thiết nhưng cũng có những giờ rung động, say sưa, những trạng thái bạo giạn hào hùng, bấy nhiêu thực thể đều là nguyên động lực của văn nghệ biểu-hiệu.

Trong bộ sách: « Khởi thủy triết học trong bi-kịch Hi Lạp » nhà đại văn hào Đức là Nietzsche (1844-1900) chia bi kịch làm hai loại. Một loại đầu theo thức Apollon, là thể văn rõ ràng, chừng mực, thứ tự. (Như văn Cổ-điển, văn lãng mạn trong thời kỳ đầu, văn tự nhiên v.v...) Loại thứ hai theo thức Dyonisos, là văn thơ say sưa, phong tưng, nồng nàn: (chan chứa nhiệt tình extrse), trần trướng và lưu động. Văn học biểu hiệu là theo thể thức Dyonisos.

Thiên kịch ngắn trên đây là một thời kỳ trong văn nghệ Lỗ Tấn, hồi Lỗ còn chịu ảnh hưởng văn nghệ biểu hiện.

ĐẶNG THÁI MAI

HAI TRĂM PHO SÁCH QUÝ CỦA NHÀ SÁCH MINH-ĐỨC THÁI-BÌNH

Đem vào dự hội chợ Saigon năm nay

Toàn những tác phẩm giá trị của các nhà văn :

PHẠM QUỲNH, NGUYỄN VĂN VINH, ĐÀO DUY ANH, CORDIER, TRẦN TRỌNG KIM, BÙI KỶ, NGUYỄN VĂN NGỌC, NGUYỄN HỮU TIẾN, NGUYỄN ĐÓN PHỤC, TẦN ĐÀ, NGUYỄN ĐỖ MỤC, ĐÌNH XUÂN HỘI, NGUYỄN ĐỒNG CHI, CHU THIÊN, NGUYỄN QUANG OÁNH, KHUÔNG VIỆT, NGÔ TẮT TỔ, TRẦN THANH MAI, KHÁI HÙNG, THẠCH LAM, NGUYỄN ĐỨC QUỲNH, NHẤT LINH, TRẦN TIÊU, ĐOÀN PHÚ TỬ, THAO THAO, THẾ LỮ, HUY CẬN, HÀN MẶC TỬ, NGUYỄN TRIỆU LUẬT, NGUYỄN TUÂN, PHAN TRẦN CHÚC, VŨ TRỌNG PHỤNG

Cách trình bày Mỹ thuật. — Sách bọc da, phủ gấm chữ khảm vàng, lồng trong khung hộp quý. Những pho sách này sẽ bán hết trong mấy ngày đầu, các bạn chơi sách quý đẹp nên tôi coi sớm tại :

GIAN HÀNG ĐỨC-NGHI & C^{ie}
≡ Stand 159 P, gần Ba Français ≡

là nhà đại lý các kỹ nghệ hóa ở Đông-dương và đương làm đại lý những sách kể trên này

Chú ý — Trước khi đem dự Hội chợ Saigon 200. cuốn Sách quý này có bày tại nhà Sách Minh Đức Thái Bình, từ 5-12 đến 10-12-42, và không có bán.

CÙNG CÁC BẠN ĐỌC ≡ CHƯA GIẢ TIỀN BẢO

Xin các bạn chú-ý đến dấu đóng ở băng báo nhắc hạn báo của các bạn đã hết tự số nào. Chúng tôi tha thiết mong các bạn tỉnh ngay tiền giả cho về những số chưa giả tiền và luôn thề cả hạn sau nữa.

Những bạn ở các tỉnh thì xin gửi ngân phiếu cho nhà báo. Còn ở Hà - Nội mong các bạn bỏ chút thì giờ qua nhà báo giả cho, đề đỡ số tiền phí tổn cho chúng tôi. Xin các bạn xét tình thế khó khăn của các báo hiện thời mà lượng thứ, chúng tôi được cảm-tạ vô cùng. T. N.

HỘP THƯ

Bà Nghiêm xuân Việt 131 Chaigneau Saigon còn thừa số 17 và ông Nguyễn phi Chiou Can Lộc - Hà Tĩnh, còn thừa số 22. Độc giả nào muốn có xin viết thư cho hai độc giả đó, sẽ được biểu không nhưng nhớ phải kèm 0\$04 tem tiền gửi báo.

— Không còn từ số 16.

— Ông Đoàn tử chi — Không in lại từ số 16.

— Ông V đ Châu — Xin gửi tem trước không gửi contre remboursement.

— Ô. Hồ Huyền gare Hué. — Thưa ngài không có.

— Ông Lê đình Dzực-Tiên Điền—Báo số 18 hết mất rồi, xin lỗi.

— Caporal Khâm — Tông — Thật là rầy rà. Lần nào ngài cũng mất báo, lần nào cũng gửi đền mà rút cục vẫn không nhận được.

. Xin lại gửi đền báo của ngài đến số 1er Aout đã hết hạn.

Maison Thanh Phú sader: Dưới 3\$00 xin gửi bằng tem.

~~SÁCH MỚI~~

TRIẾT HỌC NIETZSCHE

của NGUYỄN ĐÌNH THI

Một triết học tràn đầy nhựa sống Một luồng mắt nhìn vào tương lai loài người. Một triết lý của nghệ thuật. Những phương châm cứng cỏi đã làm đảo lộn luân lý Âu châu.

Sách dày 208 trang. Giá: 1\$95

ĐÃ PHÁT HÀNH

TRIẾT HỌC KANT

Sách dày 156 trang. Giá: 1\$50

NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT
≡ 49, Rue du Takou, Hanoi ≡

IN GẦN XONG :

GIỌT SƯƠNG HOA (XUÂN)

của

PHẠM VĂN HẠNH

«...Vô số mùi sắc ngẫu-hợp chảy ra giọt sương Lý tưởng cho ta ngưỡng vọng đời đời...»

« Tác - phẩm mở đầu khóm sách văn nghệ tiên phong ».

ẤN - BẢN - CHÍNH HẠN ĐỊNH

6 bản Impérial Annam, bán 2 bản. Giá mỗi bản. 20\$00

50 bản Impérial Đại-la, bán 20 bản. Giá mỗi bản. 10\$00

6 bản Alfa, không bán.

850 bản đánh số, giá mỗi bản. . . 2\$50

Độc giả hãy đón trước ở các hàng sách, vì chỉ gửi cho đại lý rất ít. Người chơi sách gửi ngân phiếu về ông :

HÀ VĂN THỰC

Nhà xuất bản Lụa-lúa-vàng
49, Phố Tiéntsín, Hanoi

TINH HOA VĂN THƠ CỔ ĐIỂN VIỆT-NAM

CHIÊU HỒN

Một bài thơ dài của tác giả Kim Vân
Kiều và cao sâu hơn truyện Kiều

Với một thiên khảo cứu, phê bình và triết lý và hình nhị thượng Phật giáo trong hai tác phẩm Nguyễn Du của Trọng Miên.

Sách in khổ lớn 21 X 27 trên giấy registre (loại thường) và giấy vélin bouton d'or (loại đẹp) do họa sĩ Phạm Tú trình bày và ấn công J. Aspar trông nom về ấn loát.

Bìa có tranh, in hai màu rất đẹp và mỗi cuốn sách đều có thêm một phụ bản của Phạm Tú.

Chỉ gửi theo lãnh hóa giao ngân Hoa hồng 25%.

NHÀ XUẤT BẢN ĐÔNG-PHƯƠNG

227, Paul Blanchy — Saigon

Tổng phát hành Hanoi :

M. PHAM QUY LAN

Nº 20, Cité Nam-ky — HANOI

Báo THANH-NGHI

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ-THUẬT CHÂN CHÍNH — PHỖ THỜ NG MÀ KHÔNG LÀM GIẢM GIÁ.

Trong số 16 Décembre 1942

- Một vài ý nghĩ về việc cải cách giáo dục : sự tổ chức các nền học
- Chính-thể « Tổng thống »
- Cuộc tiến hóa của nền tư bản Âu Tây
- Dẫn cũ loa thành (liếp theo)
- Vấn-đề sử liệu về đời An Thương
- Liên lạc học-đường với gia-đình
- Một ý kiến về cô Kiều bị bắt
- Cách tỉ lệ trong ngôn ngữ, văn-chương Pháp và Việt Nam
- Xã-hội Việt-Nam từ thế kỷ thứ 17
- Cuộc chiến tranh Địa-trung-hải
- Đọc sách mới

VŨ ĐÌNH HỒE.
PHAN ANH
VŨ VĂN HIỀN
NGUYỄN VĂN HUYỀN
ĐẶNG THÁI MAI
PHAN MỸ
ĐÀO DUY ANH
VŨ BỘI LIÊU
NGUYỄN TRỌNG PHẤN
ĐỖ ĐỨC DỤC
L. H. V.

Directeur gérant : VŨ ĐÌNH HỒE — Fondateur : Doãn Kế Thiện — Imp. TRUNG-BAC —